**MỤC LỤC**

**Chuyên đề 1 NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG 2018 VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH**…………………………………...….1

[**I. Một số vấn đề chung về phòng, chống tham nhũng** 1](#_Toc66963346)

[**1.** **Nguyên nhân, tác hại của tham nhũng** 1](#_Toc66963347)

[***1.1. Nguyên nhân của tham nhũng*** 1](#_Toc66963348)

[*1.1.1. Nguyên nhân khách quan* 1](#_Toc66963349)

[*1.1.2. Nguyên nhân chủ quan* 4](#_Toc66963351)

[***1.2. Tác hại của tham nhũng*** 7](#_Toc66963352)

[*1.2.1. Tác hại về chính trị* 7](#_Toc66963353)

[*1.2.2. Tác hại về kinh tế* 9](#_Toc66963354)

[*1.2.3. Tác hại về xã hội* 10](#_Toc66963355)

[**2. Nhận diện tham nhũng và các hành vi tham nhũng** 11](#_Toc66963356)

[***2.1. Nhận diện tham nhũng*** 11](#_Toc66963357)

[***2.2 Các hành vi tham nhũng*** 13](#_Toc66963358)

[**3. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng** 14](#_Toc66963359)

[***3.1. Vai trò, trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong đấu tranh, phòng chống tham nhũng*** 14](#_Toc66963360)

*3.1.1 Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ ……………………………………………* 15

[*3.1.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp* 15](#_Toc66963361)

*[3.1.3. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao](#_Toc66963362)* [16](#_Toc66963362)

*[3.1.4. Trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước](#_Toc66963362)* [16](#_Toc66963362)

[***3.2. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng* 16**](#_Toc66963362)

[*3.2.1. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận* 17](#_Toc66963363)

[*3.2.2. Trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo* 17](#_Toc66963364)

[*3.2.3. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề* 18](#_Toc66963365)

[*3.3.4. Trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng* 18](#_Toc66963366)

[**II. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng** 19](#_Toc66963367)

[**1. Công khai, minh bạch trong tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị** 19](#_Toc66963368)

[***1.1. Nguyên tắc công khai, minh bạch*** 19](#_Toc66963369)

[***1.1. Nội dung công khai, minh bạch*** 20](#_Toc66963370)

[***1.2. Hình thức công khai*** 20](#_Toc66963371)

[**2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong cơ quan tổ chức, đơn vị** 21](#_Toc66963372)

[**3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị** 22](#_Toc66963373)

[***3.1. Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*** 23](#_Toc66963374)

[***3.2. Về tặng quà và nhận quà tặng*** 24](#_Toc66963375)

[***3.3. Xung đột lợi ích*** 25](#_Toc66963376)

[**4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị** 26](#_Toc66963377)

[***4.1. Nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác*** 26](#_Toc66963378)

[***4.2. Vị trí công tác và định kỳ chuyển đổi vị trí công tác*** 27](#_Toc66963379)

[**5.** **Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt** 27](#_Toc66963380)

[***5.1. Cải cách hành chính*** 28](#_Toc66963381)

[***5.2. Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý*** 28](#_Toc66963382)

[***5.3 Thanh toán không dùng tiền mặt*** 29](#_Toc66963383)

[**6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn** 29](#_Toc66963384)

[**III. Các biện pháp phát hiện tham nhũng** 30](#_Toc66963385)

[**1. Phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị** 30](#_Toc66963386)

[***1.1. Công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước*** 30](#_Toc66963387)

[***1.2 Công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị*** 31](#_Toc66963388)

[***1.3 Kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân*** 31](#_Toc66963389)

[**2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát** 32](#_Toc66963390)

[***2.1. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử*** 32](#_Toc66963391)

[***2.2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán*** 34](#_Toc66963392)

[**3. Phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng** 37](#_Toc66963393)

[**IV. Xử lý tham nhũng và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng** 37](#_Toc66963394)

[**1. Xử lý tham nhũng** 37](#_Toc66963395)

[*1.1. Xử lý người có hành vi tham nhũng* 38](#_Toc66963396)

[*1.2. Xử lý tài sản tham nhũng* 39](#_Toc66963397)

[**2. Quy định về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật tham nhũng** 39](#_Toc66963398)

[*2.1. Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị* 39](#_Toc66963399)

[*2.2. Quy định về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước* 40](#_Toc66963400)

[**Chuyên đề 2**](#_Toc66963401) [**TỔ CHỨC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP** 42](#_Toc66963402)

[**I. Khái quát chung về kê khai tài sản, thu nhập** 42](#_Toc66963403)

[**1. Một số khái niệm** 42](#_Toc66963404)

[**2. Nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập** 42](#_Toc66963405)

[**3. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập** 42](#_Toc66963406)

[**4. Tài sản thu nhập phải kê khai** 43](#_Toc66963407)

[**5. Phương thức và thời điểm kê khai TSTN** 44](#_Toc66963408)

[**II. Tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập** 45](#_Toc66963411)

[**1. Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai** 45](#_Toc66963412)

[**2. Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai** 46](#_Toc66963413)

[**3. Lập sổ theo dõi bản kê khai, tiếp nhận và bàn giao bản kê khai** 46](#_Toc66963414)

[**III. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập** 47](#_Toc66963415)

[**1. Công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị** 48](#_Toc66963416)

[**2. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị** 50](#_Toc66963417)

[**3. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước** 51](#_Toc66963418)

[**Chuyên đề 3**](#_Toc66963419) [**XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP** 52](#_Toc66963420)

[**I. Khái quát chung về xác minh tài sản, thu nhập** 52](#_Toc66963421)

[**1. Khái niệm** 52](#_Toc66963422)

[**2. Về căn cứ xác minh tài sản, thu nhập** 53](#_Toc66963423)

[**3. Thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập** 54](#_Toc66963424)

[**4. Nội dung xác minh tài sản, thu nhập** 56](#_Toc66963425)

[**5. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập** 56](#_Toc66963426)

[**II. Tổ chức việc xác minh tài sản, thu nhập** 58](#_Toc66963427)

[**1. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Quyết định xác minh và thành lập Tổ xác minh** 59](#_Toc66963428)

[*1.1. Nội dung quyết định xác minh tài sản, thu nhập* 59](#_Toc66963429)

[***1.2. Thành lập Tổ xác minh tài sản, thu nhập*** 60](#_Toc66963430)

[*1.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập* 60](#_Toc66963431)

[*1.4 Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập* 61](#_Toc66963432)

[**2. Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình** 61](#_Toc66963433)

[**3. Tiến hành xác minh tài sản thu nhập** 62](#_Toc66963434)

[**4. Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập** 63](#_Toc66963435)

[**5. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập** 64](#_Toc66963436)

[**6. Gửi và công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập** 65](#_Toc66963437)

[**Chuyên đề chuyên sâu** 66](#_Toc66963438)

[**KỸ NĂNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG** 66](#_Toc66963439)

[**I. Yêu cầu, nguyên tắc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng** 66](#_Toc66963440)

[***1. Một số yêu cầu trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng*** 66](#_Toc66963441)

[*1.1. Đơn giản, dễ nhớ, dễ hiểu và dễ thực hiện* 66](#_Toc66963442)

[*1.2. Có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng đối tượng* 66](#_Toc66963443)

[*1.3. Phải đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến* 67](#_Toc66963444)

[*1.4. Đảm bảo có tính hệ thống và tính toàn diện* 67](#_Toc66963445)

[*1.5. Phải quán triệt tinh thần chủ đạo của Đảng và Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng vào công tác tuyên truyền* 67](#_Toc66963446)

[***2. Các nguyên tắc trong thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng*** 68](#_Toc66963447)

[*2.1. Bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ* 68](#_Toc66963448)

[*2.2. .Bảo đảm tính chính xác, khách quan* 69](#_Toc66963449)

[*2.3. Phải coi trọng tính mục tiêu và tính hiệu quả* 69](#_Toc66963450)

[**II. Một số kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng** 69](#_Toc66963451)

[***1. Kỹ năng tuyên truyền trực tiếp*** 69](#_Toc66963452)

[*1.1. Tạo ấn tượng ban đầu cho người nghe* 70](#_Toc66963453)

[*1.2. Tạo sự hấp dẫn, gây ấn tượng trong khi nói* 70](#_Toc66963454)

[*1.3. Bảo đảm các nguyên tắc sư phạm trong tuyên truyền trực tiếp* 71](#_Toc66963455)

*1.4. Sử dụng phương pháp thuyết phục trong tuyên truyền trực tiếp*……… ……….……71

[*1.5. Các bước chuẩn bị* 72](#_Toc66963456)

[*1.6. Tiến hành một buổi phổ biến trực tiếp* 72](#_Toc66963457)

[***2. Tuyên truyền, phổ biến trên các loại hình báo chí*** 73](#_Toc66963458)

[***3. Một số cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng internet*** 75](#_Toc66963459)

[*3.1. Hỏi đáp pháp luật* 75](#_Toc66963460)

[*3.3. Đưa các tài liệu tuyên truyền pháp luật lên mạng Internet* 76](#_Toc66963461)

[*3.4. Tổ chức giao lưu trực tuyến* 76](#_Toc66963462)

[***4. Biên soạn, phát hành tài liệu phổ biến pháp luật*** 77](#_Toc66963463)

[*4.1. Sách hỏi đáp pháp luật* 77](#_Toc66963464)

[*4.2. Sách hướng dẫn tìm hiểu pháp luật* 77](#_Toc66963465)

[*4.3. Sách pháp luật bỏ túi* 78](#_Toc66963466)

[*4.4. Biên soạn tờ gấp tuyên truyền pháp luật* 78](#_Toc66963467)

[***5. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật*** 78](#_Toc66963468)

[*5.1. Các loại hình thi tìm hiểu pháp luật* 78](#_Toc66963469)

*5.2. Một số lưu ý…*………………………………………………………………………………… 79

**Chuyên đề 1**

 **NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG 2018 VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH**

**I. Một số vấn đề chung về phòng, chống tham nhũng**

1. **Nguyên nhân, tác hại của tham nhũng**

***1.1. Nguyên nhân của tham nhũng***

Tham nhũng và đấu tranh phòng, chống tham nhũng là một trong những vấn đề được các quốc gia trên thế giới hết sức quan tâm. Tham nhũng thể hiện sự xuống cấp của đạo đức xã hội nói chung và đạo đức công vụ nói riêng, cũng như sự yếu kém của nền quản trị Nhà nước. Ở Việt Nam hiện nay, tham nhũng được nhận diện là một quốc nạm, là một trong những nguy cơ làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN; công tác phòng, chống tham nhũng được xác định là cuộc đấu tranh lâu dài, khó khăn và phức tạp. Mặc dù đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận trong những năm vừa qua, tuy nhiên công tác phòng chống tham nhũng ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế, cần có những biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý mạnh mẽ và quyết liệt hơn nữa. Qua nghiên cứu tổng kết cuộc đấu tranh chống tham nhũng những năm qua, có thể chỉ ra nguyên nhân chính của tình trạng tham nhũng ở nước ta hiện nay như sau:

*1.1.1. Nguyên nhân khách quan*

*Thứ nhất,* Việt Nam là nước đang phát triển, trình độ quản lý còn lạc hậu, mức sống chưa cao, pháp luật chưa hoàn thiện.

Đây có thể nói là nguyên nhân đầu tiên của tình trạng tham nhũng. Thực tế cho thấy, tham nhũng thường phát triển ở những nước chậm phát triển hoặc đang phát triển. Xuất phát từ chức năng nhiệm vụ của mình, Nhà nước đại diện cho xã hội quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Nếu nhà nước quản lý xã hội lỏng lẻo sẽ tạo ra các sơ hở cho tệ tham nhũng nảy sinh và phát triển. Mặc dù chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể qua hơn 40 năm đổi mới nhưng về cơ bản vẫn chưa thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, trình độ quản lý vẫn còn ở mức thấp. Điều này sẽ dẫn dến những sơ hở để những kẻ tha hóa, biến chất lợi dụng mưu lợi cá nhân, chiếm đoạt tiền bạc của nhà nước hoặc lợi dụng quyền hạn nhà nước giao phó để sách nhiễu, đòi hối lộ, đút lót. Cơ chế, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng trên một số lĩnh vực còn sơ hở, chưa phù hợp với thực tiễn; một số quy định về phòng, chống tham nhũng còn hình thức, tính khả thi không cao như kiểm soát tài sản, thu nhập, công khai, minh bạch, xử lý trách nhiệm người đứng đầu; cơ chế kiểm soát quyền lực chậm được hoàn thiện. Vì vậy, nạn tham nhũng ngày càng trở nên phổ biến trong nhiều lĩnh vực, ở mọi cấp, mọi ngành.

*Thứ hai,* quá trình chuyển đổi cơ chế, còn tồn tại và đan xen giữa cái mới và cái cũ.

Đây cũng là một trong những nguyên nhân của tệ tham nhũng. Quá trình chuyển đổi là một quá trình đòi hỏi phải có thời gian, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Cơ chế cũ kỹ vốn quen thuộc bị thay thế những nếp nghĩ thói quen thì vẫn còn, trong khi đó cơ chế mới đang được hình thành còn sơ khai cả trong nhận thức và quá trình thực hiện không tránh khỏi lung túng. Các chuẩn mực đánh giá không rõ ràng, chắc chắn đã khiến không ít người lợi dụng danh nghĩa đổi mới, vượt rào, năng động, sáng tạo để đục khoét tài sản nhà nước, lợi dụng chủ trương xã hội hóa một số lĩnh vực để “thương mại hóa” thu lợi ích tối đa cho cá nhân hoặc một nhóm người, thậm chí một cơ quan, đơn vị hay một địa phương. Tình trạng “tranh tối tranh sáng” là mảnh đất tốt cho tệ nạn tham nhũng phát triển. Không ít những cá nhân, tập thể có lúc được biểu dương, ca tụng như là biểu hiện của sự năng động, dám nghĩ dám làm, thậm chí được tôn vinh nhưng sau một thời gian mới lộ rõ mặt trái, tiêu cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực chất chỉ là những kẻ móc ngoặc hoặc lợi dụng sơ hở của cơ chế để tham nhũng.

*Thứ ba,* ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường.

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, chúng ta đã áp dụng việc quản lý nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đạt được những thành tích rất cơ bản và đáng kể. Tuy nhiên, cùng với những mặt tích cực, cơ chế thị trường cũng đã bộc lộ mặt trái của nó. Đó là sự cạnh tranh khốc liệt, sự ngự trị của đồng tiền làm cho người sản xuất kinh doanh có xu hướng tối đa hóa lợi nhuận bằng mọi giá, tìm cách hối lộ công chức nhà nước để tạo lợi thế trong kinh doanh. Trong xã hội, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, các giá trị xã hội bị đảo lộn, mọi người đều bị sức ép của việc kiếm thật nhiều tiền, tâm lý mọi việc đều có thể mua bán. Đây là điều chúng ta đã dự báo trước, nhưng lại chưa kịp thời có biện pháp thích hợp để chủ động hạn chế ngay từ đầu, cho nên từ mối lo về kinh tế đến nay chuyển sang những mối lo về các tệ nạn xã hội. Đời sống khá giả, thông tin dư thừa nhiều khi không kiểm soát được, tấn công vào chuẩn mực cũ, làm biến đổi các tiêu chí trong đạo đức lối sống đã được xác định trong truyền thống xã hội, mất chuẩn mực, thế hệ trẻ mất định hướng và không có lý tưởng. Những nghiên cứu gần đây cho thấy, tác hại to lớn của những yếu tố tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường thật sự đã đến mức báo động và điều đó góp phần làm gia tăng tệ tham nhũng thông qua việc thúc đẩy các hành vi phạm pháp của cán bộ, công chức, ganh đua làm giàu phi pháp, đục khoét tiền của Nhà nước và nhân dân.

*Thứ tư,* ảnh hưởng của tập quán văn hóa

Mặc dù từ ngàn đời xưa, quan lại tham nhũng là những hiện tượng mà ai cũng lên án nhưng trong tâm lý xã hội của người Á đông nói chung và người Việt nam nói riêng có rất nhiều khía cạnh khiến cho tệ tham nhũng mà biểu hiện tập trung nhất là nạn quà cáp hối lộ có cơ sở tồn tại và phát triển. Chuyện biếu xén quà cáp được coi là một nét văn hóa của người Việt Nam. Mỗi khi gặp gỡ, nhờ vả trong dân gian cũng như trong hoạt động quan trường, thì quà cáp dường như là điều đương nhiên và được dễ dàng chấp nhận. Nhiều trường hợp lợi dụng việc quà cáp, tặng cho để làm biến dạng hành vi công vụ, vì yếu tố vụ lợi, gây hậu quả, phương hại đến lợi ích của nhà nước, của nhân dân. Việc tặng quà và nhận quà bị lợi dụng thành nơi mua bán, hối lộ, làm ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

*1.1.2. Nguyên nhân chủ quan*

*Thứ nhất,* hệ thống chính trị chậm được đổi mới, hoạt động của bộ máy nhà nước chưa hiệu quả.

Đây là nguyên nhân bao trùm của sự yếu kém và bất cập của quá trình đổi mới đất nước, trong đó có tệ nạn tham nhũng. Một quốc gia quản lý tốt phải có bộ máy nhà nước tốt. Ở nước ta, sự quản lý lãnh đạo điều hành đất nước là sự thống nhất và phối hợp giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, trách nhiệm quản lý của Nhà nước và sự tham gia tích cực có hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng. Các yếu tố trong hệ thống chính trị phải thực hiện đúng vai trò của mình thì mới phát huy được tác dụng. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo thông qua chủ trương, đường lối và công tác cán bộ, Nhà nước quản lý bằng chính sách, pháp luật, còn các tổ chức đoàn thể phải động viên nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội thông qua tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục động viên những điều này chưa được phát huy trong quá trình thực hiện. Sự chồng chéo, trùng lắp là phổ biến trong cả tổ chức và hoạt động của các yếu tố trong hệ thống chính trị nước ta. Có thể nói khái quát là ở những mức độ khác nhau, chúng ta hành chính hóa hoạt động lãnh đạo của Đảng, đã chính trị hóa hoạt động quản lý của Nhà nước và đã nhà nước hóa hoạt động của các tổ chức xã hội. Do vậy, đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong một thời gian dài, là cơ hội cho các hành vi tham nhũng phát sinh trong chính nội tại tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trở nên khó kiểm soát.

*Thứ hai,* công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên yếu kém, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thiếu tu dưỡng rèn luyện, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Trước tác động của mặt trái cơ chế thị trường, nhiều cán bộ, đảng viên do không tự giác rèn luyện, tu dưỡng đã chạy theo các lợi ích trước mắt dẫn đến vi phạm pháp luật và làm nảy sinh tham nhũng. Cán bộ, công chức chưa được thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi phẩm chất chính trị. Nhiều tổ chức Đảng, thủ trưởng cơ quan quản lý đảng viên, nhân viên của mình còn lỏng lẻo, chế độ sinh hoạt, kiểm diểm công tác bị bê hoặc mang tính hình thức, sức chiến đấu của các chi bộ, dảng bộ hạn chế, công tác phê bình, tự phê bình kém. Đạo đức công vụ, liêm chính trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức chưa được coi trọng. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê bình và phê bình, chưa làm gương cho cán bộ, đảng viên trong đấu tranh chống tham nhũng. Còn tình trạng e dè, nể nang hoặc lợi ích cục bộ mà không dám đấu tranh với các vi phạm của cán bộ, đảng viên chi bộ, tổ chức mình.

*Thứ ba,* việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới thể chế kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng trên một số lĩnh vực còn chậm, có lúc chưa được quan tâm, cơ chế chính sách pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ.

Chúng ta đã có nhiều nỗ lực trong xây dựng thể chế, nhưng vẫn chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế chính sách pháp luật trong thời kỳ đổi mới chưa được hoàn thiện, thiếu cụ thể, còn có sơ hở và thiếu nhất quán. Việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, việc phân biệt quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh còn có phần chưa rõ. Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn diễn ra chậm chạp và thiếu kiểm soát chặt chẽ, xảy ra nhiều sai phạm gây ra thất thoát, có dấu hiệu tham nhũng. Cơ chế quản lý tài sản công, quản lý vốn và tài sản trong doanh nghiệp nhà nước chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng “vô chủ”, “thiếu trách nhiệm”. Bộ máy nhà nước còn cồng kềnh, nền hành chính chưa được cái cách triệt để. Những nhược điểm đó làm nảy sinh tệ quan liêu, tham nhũng và thiếu kỷ cương, tạo điều kiện cho tệ hối lộ, lạm dụng công quỹ, nhũng nhiễu trong hành xử của cán bộ công chức với người dân.

*Thứ tư,* cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính chuyển biến chậm, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu

Mặc dù đã có những tiến bộ nhất định nhưng nhìn chung cải cách hành chính vẫn còn chậm và lung túng, cơ chế “xin - cho” vẫn còn tồn tại, tạo kẽ hở cho sự sách nhiễu, vòi vĩnh, ăn hối lộ. Cơ chế quản lý tài chính công, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản còn nhiều bất hợp lý, vòng vòe, qua nhiều khâu, nhiều “cửa”. Trình tự thủ tục tạo cảm giác chặt chẽ, nhưng trên thực tế, cơ chế kiểm soát lại rất lỏng lẻo, mờ mịt đã tạo điều kiện cho tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, thất thoát. Đây chính là những lĩnh vực hay xảy ra tham nhũng nhất trong thời gian vừa qua. Việc áp dụng khoa học công nghệ nhằm đổi mới phương thức thanh toán còn rất chậm chạp, hiệu ứng kinh tế tiền mặt vẫn đang tồn tại khiến cho chúng ta khó có thể kiểm soát và phát hiện được các giao dịch phi pháp.

*Thứ năm*, thiếu các công cụ phát hiện và xử lý tham nhũng hữu hiệu, các cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng chưa đủ mạnh.

Hoạt động điều tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đã thu được một số kết quả tích cực, nhưng trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Cơ chế phối hợp của các cơ quan nói trên còn lỏng lẻo, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cơ quan trong cuộc đấu tranh chung còn chưa rõ ràng, cụ thể dẫn đến tình trạng lẫn lộn, chồng chéo, thiếu hiệu quả trong hoạt động phát hiện và xử lý tham nhũng. Về pháp luật, chúng ta chưa có những quy định cho phép các cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp đặc biệt để có thể phát hiện các hành vi tham nhũng cho nên hiệu quả phát hiện tham nhũng là rất thấp, bởi vì tham nhũng là một loại tội phạm đặc biệt, chủ thể của nó là những người có chức vụ quyền hạn, có trình độ nên thực hiện hành vi tham nhũng rất tinh vi, khó phát hiện và trong nhiều trường hợp kẻ vi phạm dùng nhiều thủ đoạn, kể cả dưới danh nghĩa nhà nước để cản trở việc điều tra và truy cứu trách nhiệm.

Việc kiểm soát và minh bạch hóa thu nhập và tài sản của cán bộ, công chức gặp nhiều khó khăn và gần như không đạt kết quả mong muốn. Chế định kê khai tài sản đối với cán bộ, công chức đã được áp dụng nhưng chỉ mang nặng tính hình thức, một phần do chế độ quản lý tiền tệ và thanh toán qua ngân hang còn chưa hiệu quả, mặt khác việc quản lý tài sản, đặc biệt là nhà đất ở nước ta hầu như không thực hiện được. Việc không có cơ quan chủ trì, tổng hợp, kiểm tra, xử lý, đồng thời, việc thiếu vắng các quy định xử lý nghiêm khắc về trách nhiệm của cán bộ, công chức trong vấn đề kê khai tài sản đã dẫn đến sự thực thi không triệt để các quy định về kê khai tài sản, mặc dù đây là một chủ trương đúng đắn, tích cực được xã hội đồng tình, ủng hộ.

*Thứ sáu,* công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng chưa mang lại hiệu quả cao

 Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng còn hình thức, mang nặng tính chất “phong trào”, cách thức và nội dung tuyên truyền, giáo dục nhìn chung chưa phù hợp với đối tượng, vì vậy tác dụng, hiệu quả nâng cao nhận thức của các đối tượng xã hội còn thấp. Việc tăng cường nhận thức của người dân nói chung và cán bộ công chức, người có chức vụ quyền hạn nói riêng đối với trách nhiệm phòng chống tham, nhũng chưa được nhận thức đầy đủ, dẫn đến hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng còn gặp nhiều khó khăn.

***1.2. Tác hại của tham nhũng***

Tham nhũng có thể gây ra rất nhiều hậu quả nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngày nay, tác hại của tham nhũng đã trở thành mối lo ngại có tính toàn cầu. Đối với nước ta, trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước, tác hại tham nhũng cũng nhiều lần được đề cập như là một trong những nguy cơ gây mất ổn định về chính trị, thiệt hại lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, làm xói mòn niềm tin, đạo đức xã hội, làm đảo lộn trật tự, quản lý nhà nước. Có thể khái quát những tác hại chủ yếu của tham nhũng ở những điểm chính sau:

*1.2.1. Tác hại về chính trị*

Tác hại về chính trị là nguy cơ hàng đầu mà tham nhũng có thể gây ra. Trong Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, ngay từ câu đầu tiên, cộng đồng quốc tế đã bày tỏ sự lo ngại về tính nghiêm trọng của các vấn đề cũng như những mối đe dọa do tham nhũng gây ra đối với sự ổn định và an ninh xã hội, xói mòn các thể chế và các giá trị dân chủ, các giá trị đạo đức, công lý và gây tổn hại đến sự phát triển bền vững và chế độ. Ở Việt Nam, công cuộc xây dựng và phát triển đất nước đòi hỏi phải tạo lập được môi trường chính trị ổn định. Nhưng thực tế, tham nhũng đang là một trong những nguy cơ lớn gây mất ổn định chính trị. Tham nhũng là trở lực lớn đối với quá trình đổi mới đất nước và làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, tình hình tham nhũng ở nước ta đã ở mức nghiêm trọng, đáng báo động. Tham nhũng không chỉ xảy ra ở cấp Trung ương, ở những chương trình, dự án lớn mà còn xuất hiện nhiều trong các cấp chính quyền cơ sở - cơ quan tiếp xúc với nhân dân hằng ngày, giải quyết những công việc liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân dân. Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX chỉ rõ: “... Điều làm cho nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng...”. Tác hại nguy hiểm của tệ tham nhũng, lãng phí ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của việc thực hiện chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội hoặc một nhiệm vụ quản lý nhất định của Nhà nước. Tổng quát hơn, sự nghiệp cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Nhân dân chính là động lực, chủ thể, mục đích của cách mạng.

Để nhân dân mất niềm tin, tức là chúng ta đã đánh mất một sức mạnh vô cùng to lớn, thậm chí có tính chất quyết định đối với sự nghiệp cách mạng. Năm 1992, tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, đã nêu: “Tệ tham nhũng, hối lộ, ăn chơi phung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài. Những hiện tượng đó gây tác hại rất lớn, làm tổn hại thanh danh của Đảng”. Tháng 1-1994, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đánh giá lại: “Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy của Đảng và Nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn”. Tháng 4-2001, Đại hội Đảng lần thứ IX lại tiếp tục khẳng định: “Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân”. “Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, kéo dài, gây bất bình trong nhân dân và là một nguy cơ lớn đe doạ sự sống còn của chế độ ta". Nghị quyết số 14 ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng đã nêu khái quát tác hại của tệ tham nhũng như sau: “Tình trạng tham nhũng đã và đang gây ra hậu quả hết sức nghiêm trọng, làm xói mòn bản chất của Đảng và Nhà nước, làm tha hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên, tiếp tay cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá ta, uy hiếp sự tồn vong của chế độ”. Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 21-8-2006 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiếp tục nhấn mạnh: “Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta”. Ở nước ta, tham nhũng được coi là một vấn nạn, làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.

*1.2.2. Tác hại về kinh tế*

Tham nhũng gây ra nhũng hậu quả về kinh tế không chỉ đối với nhà nước mà còn đối với hầu hết chủ thể trong xã hội, tuy với mức độ khác nhau. Đối với nhà nước, như đã nêu ở trên, tham nhũng gây thất thoát, từ đó làm giảm nguồn thu vào ngân sách của nhà nước. Đây có lẽ là thiệt hại kinh tế từ tham nhũng rõ ràng và dễ đo lường nhất.

Đối với các doanh nghiệp, thiệt hại kinh tế trực tiếp từ tham nhũng thể hiện ở chỗ họ phải trả những *“chi phí bôi trơn”*, còn thiệt hại gián tiếp xảy ra khi họ phải đối mặt với sự nhũng nhiễu, gây khó khăn của các cơ quan, nhân viên công quyền. Ngoài ra, trong một số trường hợp, thiệt hại kinh tế gián tiếp còn xảy ra khi việc sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng tiêu cực bởi sự thiếu nhất quán và chính sách kinh tế của nhà nước mà có nguyên nhân từ tham nhũng. Ở đây, thiệt hại kinh tế của các doanh nghiệp cũng chính là thiệt hại kinh tế của nhà nước, bởi khi các doanh nghiệp cảm thấy nản lòng và rút vốn đầu tư vì tham nhũng thì ngân sách nhà nước sẽ thất thu.

Đối với các cá nhân mỗi công dân, tham nhũng được ví như một dạng thuế không chính thức đánh vào họ, vì mọi chi phí sản xuất, kể cả chi phí trả cho tham nhũng, sẽ được các doanh nghiệp tính vào giá thành sản phẩm Để bán cho người tiêu dùng. Trong việc này, những chủ thể bị ảnh hưởng nặng nề nhất lại chính là những người nghèo, nhóm vốn đã chịu nhiều thiệt hại trong xã hội. Bên cạnh thiệt hại gián tiếp đó, cá nhân mỗi công dân còn phải chịu những thiệt hại kinh tế trực tiếp khác khi trả tiền bôi trơn, tiền cảm ơn cho các cơ quan, nhân viên công quyền khi tiếp cận với các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa hay khi phải giải quyết các thủ tục hành chính, thủ tục tư pháp không thể phủ nhận cả hai loại thiệt hại trực tiếp và gián tiếp, song đều rất khó định lượng một cách cụ thể, bởi những hành vi hối lộ và nhận hối lộ thường không được công khai.

*1.2.3. Tác hại về xã hội*

Cùng với tác hại về chính trị, tác hại về kinh tế, tham nhũng còn gây ra những tác hại nặng nề về mặt xã hội. Tham nhũng xâm phạm, thậm chí làm thay đổi, đảo lộn những chuẩn mực đạo đức xã hội, tha hoá đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

Trước những lợi ích bất chính đã hoặc sẽ có được khi thực hiện hành vi tham nhũng, nhiều cán bộ, công chức đã không giữ được phẩm chất đạo đức của người cán bộ cách mạng, không phục vụ nhân dân mà hướng tới các lợi ích bất chính, bất chấp việc vi phạm pháp luật, làm trái công vụ, trái lương tâm, đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, tham nhũng không chỉ phát sinh ở trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai… mà còn có xu hướng lan sang các lĩnh vực từ trước tới nay ít có khả năng xảy ra tham nhũng như: văn hoá, y tế, giáo dục, thể dục, thể thao... Thậm chí, cả những lĩnh vực lẽ ra không thể có tham nhũng, cả dưới góc độ đạo đức và pháp luật, như lĩnh vực phúc lợi xã hội hay bảo vệ pháp luật. Hành vi tham nhũng xảy ra không ít trong các chương trình trợ cấp cho thương binh, liệt sĩ, các gia đình chính sách; tham nhũng tiền, hàng hoá cứu trợ xã hội, trong cả xét duyệt công nhận di tích lịch sử, văn hoá, thi đua khen thưởng. Thậm chí tham nhũng còn xảy ra trong các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Điều đáng báo động là việc tham nhũng dường như đã trở thành bình thường trong quan niệm của một số cán bộ, công chức. Đó chính là biểu hiện của sự suy thoái, xuống cấp về đạo đức một cách nghiêm trọng. Hơn thế, tham nhũng còn xâm phạm những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, khi người thực hiện hành vi tham nhũng có khi là giáo viên, bác sĩ, những người hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội - những người xây dựng đời sống, nền tảng tinh thần cho xã hội.

Tham nhũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng, chia rẽ và xung đột xã hội. Cụ thể, tham nhũng góp phần phân chia dân chúng trong xã hội nói chung, các tầng lớp trong xã hội nói riêng thành hai nhóm giàu, nghèo, trong đó một nhóm chủ yếu chỉ hưởng thụ mà không phải lao động còn nhóm kia phải vật lộn làm việc để kiếm sống. Trong những xã hội có sự hoành hành của tham nhũng, khoảng cách giữa các nhóm giàu nghèo thường tăng lên rất nhanh, từ đó bùng nổ lên lòng đố kỵ, sự nghi ngại, tính ghen ghét và tư tưởng thù địch giữa các nhóm. Hậu quả là phá vỡ tình đoàn kết trong cộng đồng và khiến cho an ninh, trật tự xã hội bị đảo lộn. Ở một số quốc gia nơi mà tham nhũng diễn ra một cách phổ biến đã dẫn đến những cuộc khủng hoảng chính trị, thậm chí bạo động xã hội khiến cho hệ thống chính quyền chục độ hoặc bị tổn hại một cách nghiêm trọng.

Ở một góc độ khác, tham nhũng tàn phá hệ thống cơ sở hạ tầng văn hóa xã hội của quốc gia. Trong bối cảnh tham nhũng, các cơ sở giáo dục và chăm sóc y tế thường rơi vào khủng hoảng về tổ chức, hoạt động và về chất lượng dịch vụ, bởi chúng rất nhạy cảm và dễ bị tổn thương trước vấn nạn này. Do ở nhiều quốc gia, Nhà nước vẫn tài trợ, ở những mức độ khác nhau cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật nên lĩnh vực này cũng không đứng ngoài tác động tiêu cực của tham nhũng, tùy mức độ ảnh hưởng có phần ít hơn so với một số lĩnh vực khác.

**2. Nhận diện tham nhũng và các hành vi tham nhũng**

***2.1. Nhận diện tham nhũng***

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 xác định: “*tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ quyền hạn đó vì vụ lợi*”. Như vậy, với khái niệm này, tham nhũng có các đặc trưng cơ bản sau:

*\* Chủ thể của tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn*

Người có chức vụ quyền hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức; người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

Như vậy, khái niệm người có chức vụ, quyền hạn đã được mở rộng hơn so với quy định trước đây, không chỉ là những người có chức vụ, quyền hạn trong khu vực công, mà còn cả những người giữ chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư, thậm chí không loại trừ cả những người không có chức danh, chức vụ nhưng được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định.

*\* Hành vi tham nhũng được thực hiện trên cơ sở lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao.*

Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn là hành vi trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Khi thực hiện hành vi tham nhũng, người tham nhũng phải sử dụng, chức vụ quyền hạn của mình như một phương tiện để mang lại lợi ích cho mình, cho gia đình mình hoặc cho người khác. Người có chức vụ quyền hạn có thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi, nhưng không lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó thì không được coi là hành vi tham nhũng.

*\* Mục đích của hành vi tham nhũng là vụ lợi.*

Vụ lợi là những lợi ích mà người có chức vụ, quyền hạn muốn đạt được thông qua hành vi tham nhũng. Luật PCTN 2005 (Sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012) quy định, lợi ích bao gồm lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần, tuy nhiên Luật PCTN 2018 đã định nghĩa lại yếu tố vụ lợi tại Khoản 7 Điều 3: *“Vụ lợi là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng”.* Việc quy định như vậy phù hợp với tinh thần của Bộ luật Hình sự 2015 khi xác định cấu thành các tội phạm tham nhũng.

Lợi ích vật chất được hiểu là các lợi ích về tài sản như vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản. Lợi ích phi vật chất là tất cả các lợi ích không phải là lợi ích vật chất mà được các chủ thể dùng để tham nhũng, chứ không chỉ riêng các lợi ích về “tinh thần”, đó có thể là hối lộ thông qua xin việc, bố trí việc làm, nâng điểm thi, v.v… Trước đây, các hành vi này chưa có căn cứ xử lý theo pháp luật Hình sự và Luật Phòng, chống tham nhũng. Việc quy định các hành vi tham nhũng vì lợi ích phi vật chất của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 là rất kịp thời, đáp ứng được các đòi hỏi của thực tiễn, cũng như cụ thể hóa các cam kết của Việt Nam với quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

## ***2.2 Các hành vi tham nhũng***

Điểm mới quan trọng của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 so với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 là bước đầu mở rộng chủ thể của tham nhũng sang khu vực ngoài Nhà nước. Trước đây, chỉ có các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước, hiện nay Luật còn điều chỉnh các hành vi tham nhũng ngoài khu vực nhà nước. Luật Phòng, chống tham nhũng hiện hành, đã quy định các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước và các hành vi tham nhũng khu vực ngoài nhà nước.

Đối với hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (khoản 1 Điều 2) xác định: Là những hành vi do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện, bao gồm **12 hành vi** cụ thể như sau: tham ô tài sản; nhận hối lộ; lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; giả mạo trong công tác vì vụ lợi; đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi; nhũng nhiễu vì vụ lợi; không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Đối với hành vi tham nhũng khu vực ngoài nhà nước, do đây là lần đầu tiên các hành vi tham nhũng khu vực ngoài nhà nước được Luật hóa trong Luật Phòng, chống tham nhũng và để phù hợp với Bộ Luật Hình sự nên khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 chỉ quy định các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện, bao gồm **03 hành vi** sau: tham ô tài sản; nhận hối lộ; đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

**3. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng**

Đấu tranh chống tham nhũng là cuộc đấu tranh phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực chung của toàn bộ hệ thống chính trị, toàn xã hội. Ngoài việc quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong và ngoài khu vực nhà nước, xã hội có vai trò và trách nhiệm rất lớn trong phòng, chống tham nhũng.

***3.1. Vai trò, trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong đấu tranh, phòng chống tham nhũng***

Ở nước ta hiện nay, tổ chức các cơ quan phòng chống tham nhũng được xây dựng theo mô hình đa cơ quan. Theo đó, công tác phòng chống tham nhũng được xác định là trách nhiệm của tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền luật định. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chuyên môn sâu và vai trò đầu mối. Luật PCTN 2018 có giao cho một số đơn vị có tính chất chuyên trách về chống tham nhũng tại một số cơ quan bảo bệ pháp luật như Thanh tra chính phủ, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Vì vậy, Điều 83 Luật Phòng chống tham nhũng 2018 tiếp tục ghi nhận: trong Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao có đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng. Đồng thời quy định trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước. Bổ sung quy định về trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các cấp trong công tác phòng, chống tham nhũng.

*3.1.1. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ*

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

Thanh tra Chính phủ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng và có trách nhiệm: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; quản lý việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo thẩm quyền; thanh tra, kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng theo thẩm quyền; tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng; xây dựng báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống tham nhũng.

*3.1.2.* *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp*

Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; tổ chức công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về phòng, chống tham nhũng. Hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng.

*3.1.3.* *Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao*

Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với tội phạm tham nhũng; điều tra tội phạm tham nhũng trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp. Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án tham nhũng thuộc thẩm quyền, giám đốc việc xét xử các vụ án tham nhũng của các tòa án khác, tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các vụ án tham nhũng.

*3.1.4. Trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước*

Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện tham nhũng, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, các cơ quan chức năng cũng cần phải có cơ chế phối hợp hiệu quả. Do vậy, Luật PCTN quy định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân với nhau và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

***3.2. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong đấu tranh, phòng chống tham nhũng***

Phát huy vai trò của xã hội trong phòng chống tham nhũng là chủ trương được thể hiện trong nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước ta. Luật PCTN 2018 đã dành 1 Chương để quy định về vai trò, trách nhiệm của các thiết chế xã hội trong công tác phòng chống tham nhũng, bao gồm: Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo; trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề; trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, cụ thể như sau:

*3.2.1. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận*

Trong công tác phòng chống tham nhũng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm sau đây:Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; phản biện xã hội, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; kiến nghị việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; động viên Nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng; giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, kiến nghị việc bảo vệ, khen thưởng người có công phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, trả lời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, kiến nghị; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn trả lời có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

*3.2.2. Trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo*

Trong công tác phòng chống tham nhũng, cơ quan báo chí, nhà báo có trách nhiệm như sau: đấu tranh chống tham nhũng, đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng; Quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định khác của pháp luật có liên quan; phản ánh khách quan, trung thực và chấp hành các quy định khác của pháp luật về báo chí, quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng.

*3.2.3. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề*

Trong công tác phòng chống tham nhũng, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm: tuyên truyền, động viên người lao động, thành viên, hội viên của mình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi tham nhũng; kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Luật Phòng, chống tham nhũng đã cụ thể hóa về trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong công tác phòng chống tham nhũng, theo đó:doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước phải: thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, phản ánh và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng xảy ra trong doanh nghiệp, tổ chức mình theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức; kịp thời cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng của người có chức vụ, quyền hạn và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phối hợp với hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề tổ chức diễn đàn để trao đổi, cung cấp thông tin, phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng.

*3.3.4. Trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng*

Trong công tác phòng chống tham nhũng, công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng. Công dân tự mình hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc thông qua tổ chức mà mình là thành viên tham gia phòng, chống tham nhũng; Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

**II. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

Phòng ngừa tham nhũng là một trong những nội dung trọng tâm của Luật phòng chống tham nhũng. Kinh nghiệm chống tham nhũng của các nước trên thế giới cho thấy, công tác phòng ngừa đóng vai trò rất quan trọng. Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như sau:

**1. Công khai, minh bạch trong tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị**

Đây là biện pháp đầu tiên, được xác định là một biện pháp rất quan trọng và hữu hiệu để phòng ngừa tham nhũng. Công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm tạo điều kiện để người dân cũng nhưtoàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, người dân dễ dàng nhận biết và chủ động thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình cũng như đòi hỏi các cơ quan nhà nước và các cán bộ công chức nhà nước thực hiện các quy định đó. Công khai minh bạch làm cho công chức nhà nước có ý thức hơn trong việc thực hiện chức trách, công vụ của mình theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền mà pháp luật quy định bởi mọi hành vi vi phạm, phiền hà, sách nhiễu hay lợi dụng chức trách để tư lợi đều có thể bị phát hiện và xử lý.

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã quy định bao quát và tập trung vào quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức công khai minh bạch, trách nhiệm công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình, tiêu chí đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng.

***1.1. Nguyên tắc công khai, minh bạch***

Luật Phòng, chống tham nhũng hiện hành quy định các nguyên tắc để thực hiện công khai minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Theo đó:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật.

- Việc công khai, minh bạch phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

***1.1. Nội dung công khai, minh bạch***

Để tránh trùng lặp với các luật chuyên ngành, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định khái quát những nội dung mà các cơ quan, tổ chức, đơn vị bắt buộc phải công khai, minh bạch. Nội dung công khai, minh bạch trong từng ngành, lĩnh vực sẽ do luật chuyên ngành quy định cụ thể để đảm bảo phù hợp với đặc điểm của ngành lĩnh vực đó, nhưng vẫn trên cơ sở của các quy định chung. Cụ thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch 4 nhóm nội dung sau:

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang và công dân.

- Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Công tác tổ chức cán bộ, quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của Cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân khác, còn phải công khai minh bạch về thủ tục hành chính

Các nội dung này đã bao trùm được hầu hết các hoạt động, tổ chức của cơ quan công quyền, trong đó có nội dung về tài sản công, nơi dễ xảy ra tham nhũng nhất. Bên cạnh đó, các cơ quan giải quyết các công việc công dân như bệnh viện, trường học, bảo hiểm, nơi tiếp nhận hồ sơ tư pháp cần công khai những thủ tục, giấy tờ cần chuẩn bị, để tránh bị nhũng nhiều, vòi vĩnh gây mất thời gian, tiền của và công sức tổ chức, cá nhân.

***1.2. Hình thức công khai***

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định các hình thức công khai rất phong phú đang dạng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn một trong nhũng hình thức sau sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình:

- Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

 - Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

 - Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;

 - Phát hành ấn phẩm;

 - Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

 - Đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử;

 - Tổ chức họp báo;

 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân.

Như vậy, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 về cơ bản giữ nguyên quy định về hình thức công khai theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và bổ sung thêm một trong những hình thức công khai bắt buộc là tổ chức họp báo để phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

**2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong cơ quan tổ chức, đơn vị**

Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ, là những chuẩn mực rất quan trọng để ngăn ngừa tiêu cực, trong phòng, chống tham nhũng bởi nó giúp cho việc quản lý, sử dụng tài chính công tài sản công một cách thống nhất và đúng đắn, tránh sự tùy tiện và lạm dụng. Bên cạnh đó, việc công khai định mức tiêu chuẩn, chế độ còn giúp tăng cường sự giám sát của người dân đối với người có chức vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị trong việc sử dụng tài chính công, tài sản công, qua đó góp phần ngăn ngừa các tiêu cực, tham nhũng.Đây chính là các chuẩn mực để các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ vào đó để thực hiện cho đúng, đồng thời cũng là công cụ để đánh giá việc chấp hành pháp luật cũng như phát hiện ra các biểu hiện của tham nhũng.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 chỉ quy định mang tính nguyên tắc trong việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ để không dẫn đến chồng chéo với quy định của pháp luật hiện hành. Theo đó, cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

- Xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

- Công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

 - Thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công, căn cứ vào quy định trên, để hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành, công khai định mức, có thẩm quyền xây dựng, ban hành, công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng trong tổ chức, đơn vị mình, thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đó. Đồng thời, Luật quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị không được ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ trái pháp luật.

Cũng giống như hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng, người có hành vi vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chịu trách nhiệm bồi thường như sau:

 - Người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải hoàn trả phần giá trị mà mình cho phép sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại; người sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ có trách nhiệm liên đới bồi thường với người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

 - Người tự ý sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải hoàn trả phần giá trị mình sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại.

**3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực hành vi gồm những việc phải làm hoặc không được làm, phù hợp với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp, nhằm đảm bảo liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội.

Trước đây, Luật Phòng, chống tham nhũng 2005 quy định xây dựng và thực hiện quy tắc cứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị chung một mục và coi là một trong các trụ cột phòng ngừa tham nhũng. Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 dã tách thành hai biện pháp riêng là thực hiện quy tắc ứng xử và chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn.

***3.1. Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị***

Quy tắc ứng xử của các cán bộ, công chức, viên chức trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm phù hợp với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp nhằm đảm bảo liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ.

Trong thực tế xã hội có rất nhiều lĩnh vực, tuỳ từng đặc thù công việc và tính chất công việc quy định những quy tắc ứng xử khác nhau như: quy tắc đạo đức nghề nghiệp của nghề luật sư, đạo đức ngành y, quy tắc ứng xử ngành thanh tra, ngành hải quan….Tuy nhiên, cho dù là ngành nghề, lĩnh vực gì, những người có chức vụ, quyền hạn đều không được làm những việc: nhũng nhiễu trong giải quyết công việc, thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý trong thời hạn nhất định theo quy định của Chính phủ; tư vấn cho tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài những công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết; sử dụng trái phép thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị; những việc khác mà người có chức vụ, quyền hạn không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên Chức, Luật doanh nghiệp và Luật khác có liên quan.

Thêm vào đó, những người giữ vị trí lãnh đạo còn bị hạn chế một số việc khác để tránh việc lợi dụng ảnh hưởng hoặc liên kết thân hữu nhằm tham nhũng. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vịkhông được bố trí, vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhận sự, kế toán, thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước hoặc để vợ, chồng, bố, mẹ, con kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước; thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, Kế toán trưởng và người giữ chức danh, chức vụ khác trong doanh nghiệp nhà nước không được ký kết hợp đồng với doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột; cho phép doanh nghiệp của những người này tham dự gói thầu của doanh nghiệp mình; bố trí vợ, chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột giữ chức vụ về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong doanh nghiệp hoặc giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp.

***3.2. Về tặng quà và nhận quà tặng***

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định cụ thể hơn so với Luật phòng chống tham nhũng năm 2005 về việc tặng quà. Theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong một số trường hợp cần thiết khác.

Đối với việc nhận quà tặng có liên quan đến công việc đang giải quyết, hoặc thuộc phạm vi quản lý của người có chức vụ quyền hạn cần phải cấm tuyệt đối để phòng ngừa tham nhũng. Vì vậy, khoản 2 Điều 22 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ quyền hạn không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình. Đây là một quy định khá nghiêm khắc so với trước đây, nhằm đấu tranh với hiện tượng nhận hối lộ đối với cá nhân và tổ chức.

***3.3. Xung đột lợi ích***

Xung đột lợi ích là một khái niệm mới lần đầu tiên quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng 2018. Xét về bản chất thì toàn bộ các quy định về quy tắc ứng xử hay việc nhận quà, tặng quà đều nhằm một mục đích chung là tránh xung đột lợi ích, buộc những người có chức vụ, quyền hạn phải giữ được sự liêm chính.

Khoản 8 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định: *“Xung đột lợi ích là tình huống mà trong đó lợi ích của người có chức vụ quyền hạn hoặc người thân thích của họ tác động hoặc sẽ tác động không đúng đến việc thực hiện nhiệm vụ”.*

Xung đột lợi ích có nhiều tình huống với mức độ ảnh hưởng khác nhau. Khi có tình huống dẫn đến xung đột lợi ích, nếu xét thấy tiếp tục để người đó thực hiện nhiệm vụ, công vụ có thể dẫn đến tham nhũng hoặc việc giải quyết công việc thiếu khách quan thì cần phải có biện pháp kiểm soát tình huống đó. Chính vì vậy, Điều 23 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã có quy định về kiểm soát xung đột lợi ích, bao gồm báo cáo, thông tin và kiểm soát xung đột lợi ích. Luật đã quy định người trực tiếp quản lý, sử dụng người có chức vụ, quyền hạn được áp dụng một trong các biện pháp: giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác. Quy định này nhằm bảo đảm có căn cứ cho người đứng đầu lựa chọn biện pháp xử lý phù hợp với từng tình huống xung đột lợi ích trên thực tế mà đảm bảo hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức đơn vị. Đồng thời, Luật Phòng, chống tham nhũng cũng giao cho Chính phủ quy định chi tiết về điều này.

Việc quy định xung đột lợi ích và kiểm soát xung đột lợi ích trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 khẳng định, kiểm soát xung đột lợi ích là công cụ quan trọng nhằm phòng chống tham nhũng có hiệu quả, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức về xung đột lợi ích, thống nhất về cơ chế kiểm soát, thống nhất các biện pháp áp dụng và tổ chức thực hiện pháp luật về phòng nừa, phát hiện, và quản lý xung đột lợi ích.

**4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

Chuyển đổi vị trí công tác có vai trò rất quan trọng trong việc phòng ngừa tham nhũng. Mục đích của việc chuyển đổi nhằm ngăn ngừa việc cán bộ, công chức ở lâu một vị trí, có thể tạo nên những ê kíp, lợi dụng những kẽ hở của cơ chế, chính sách, pháp luật để tham nhũng. Tuy nhiên, việc chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo sự ổn định cu ả quản lý nhà nước, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị và tính chuyên môn sâu của các vị trí công tác. Để thực hiện có hiệu quả việc phòng ngừa tham nhũng, đồng thời tránh việc lợi dụng chuyển đổi vị trí công tác vào những mục đích không chính đáng, Luật quy định về các nguyên tắc chuyển đổi, kế hoạch chuyển đổi, vị trí công tác định kỳ chuyển đổi như sau:

***4.1. Nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác***

*- Nguyên tắc 1:* Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm phòng ngừa tham nhũng. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

*- Nguyên tắc 2:* Việc chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị

*- Nguyên tắc 3:* Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

*- Nguyên tắc 4:* Không lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vì vụ lợi hoặc để trù dập cán bộ, công chức, viên chức.

Đồng thời, để đảm bảo sự công khai, minh bạch trong thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã bổ sung quy định về Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác. Theo đó, định kỳ hàng năm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ quyền hạn, theo thẩm quyền quản lý cán bộ. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

***4.2. Vị trí công tác và định kỳ chuyển đổi vị trí công tác***

Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn không phải được thực hiện đối với tất cả các vị trí công tác, mà chỉ áp dụng đối với một số vị trí nhất định dễ phát sinh tham nhũng, gồm: người làm công tác tổ chức cán bộ, người quản lý tài chính công, tài sản công, người quản lý đầu tư công, người trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác: từ 02 đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

Xuất phát từ thực tiễn trong một số cơ quan, tổ chức, đơn vị có quy mô nhỏ, một số vị trí chỉ có một người, việc chuyển đổi vị trí gây ra khó khăn khi không còn người nào khác đảm bảo được chuyên môn. Pháp luật đã quy định, đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ có một vị trí phải định kỳ chuyển đổi công tác mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù so với các vị trí khác thì việc chuyển đổi vị trí công tác do người đứng đầu đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi.

1. **Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt**

Cùng với các giải pháp phòng ngừa nêu trên, thì việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt được coi là biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa tham nhũng. Sở dĩ như vậy, bởi thông qua cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý sẽ góp phần giảm cơ hội trực tiếp tiếp xúc giữa các cán bộ công chức, viên chức với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi giải quyết công việc. Qua đó, góp phần giảm cơ hội nhũng nhiễu, vòi vĩnh của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ.

***5.1. Cải cách hành chính***

Cải cách hành chính luôn là vấn đề nóng, được xã hội rất quan tâm. Từ Hiến pháp 1992 đến nay, vấn đề cải cách hành chính là công việc thường xuyên, liên tục bởi sự phát triển không ngừng của nền kinh tế xã hội, nền hành chính trở lên dễ dàng lỗi thời, lạc hậu nhất là trong thời kỳ công nghệ số phát triển mạnh mẽ. Mục đích của cải cách hành chính là xây dựng một nền hành chính trong sạch, hiện đại, hoạt động có hiệu quả, hiệu lực và thể hiện tính phục vụ. Cải cách hành chính gồm rất nhiều nội dung, phong phú, toàn diện.

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đề cập đến một số khâu quan trọng cần lưu ý trong quá trình cải cách hành chính nhằm phòng ngừa tham nhũng:

 - Công khai, hướng dẫn thủ tục hành chính, đơn giản hoá và cắt giảm thủ tục trực tiếp tiếp xúc với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi giải quyết công việc.

 - Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ, công vụ, việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

 - Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quy định về vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

 - Thực hiện các nhiệm vụ khác về cải cách hành chính.

***5.2. Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý***

Thực tế, tham nhũng xảy ra dựa trên hai yếu tố cơ bản: lòng tham và lợi thế về thông tin. Khi ứng dụng khoa học công nghệ, máy móc sẽ làm việc dựa trên những cài đặt chung, không phụ thuộc vào cảm tính của con người, máy móc cũng sẽ không thể “che dấu” bất kỳ thông tin gì; điều này sẽ giúp các công việc được xử lý một cách công bằng, minh bạch hơn.

Công dân và xã hội cũng có điều kiện tiếp cận thông tin kịp thời, khách quan, đầy đủ, từ đó thực hiện quyền giám sát, phản ánh những hiện tượng sai trái từ đó loại trừ được một phần nguy cơ tham nhũng.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực, đẩy mạnh sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Các Bộ, ngành có trách nhiệm đẩy mạnh xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu quốc gia phục vụ cho việc quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

***5.3 Thanh toán không dùng tiền mặt***

Trong nhóm biện pháp áp dụng khoa học, công nghệ, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 còn đưa ra một số giải pháp về thanh toán không dùng tiền mặt.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn là nền kinh tế tiền mặt nên rất khó kiểm soát, nhất là thu nhập, sự biến động thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức kể các các khoản chi từ ngân sách nhà nước. Vì vậy, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã yêu cầu bắt buộc thanh toán không dùng tiền mặt với một số khoản thu, chi sau:

- Các khoản thu, chi có giá trị lớn tại địa bàn đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ;

- Các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên.

**6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn**

Kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ quyền hạn luôn được xác định là biện pháp quan trọng, để ngăn ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng thông qua việc theo dõi những biến động về tài sản, thu nhập và việc giải trình của người có nghĩa vụ kê khai. Biện pháp này tạo ra rào cản đáng kể đối với bất kỳ cán bộ, công chức, viên chức nào có ý định làm giàu bất chính thông qua hoạt động công vụ. Xuất phát từ tầm quan trọng của việc kiểm soát tài sản, thu nhập trong phòng, ngừa tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã quy định các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhâp, đối tượng phải kê khai tài sản thu nhập, cách thức, thời điểm kê khai và những nội dung liên quan đến xác minh tài tản thu nhập. Cụ thể pháp luật quy định về: các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập, nghĩa vụ và đối tượng kê khai tài sản thu nhập, tài sản, phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập và xử lý vi phạm trong công tác kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn. Đặc biệt những quy định về xác minh tài sản thu nhập, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản thu nhập là những nội dung rất mới của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc phòng ngừa tham nhũng trong thời gian tới

**III. Các biện pháp phát hiện tham nhũng**

Hành vi tham nhũng vốn đa dạng, phức tạp được thực hiện bởi những người có chức vụ, quyền hạn, thậm chí có tính liên kết, cấu kết chặt chẽ giữa những nhóm lợi ích. Chính vì vậy để có thể phát hiện tham nhũng và đưa ra ánh sáng với đầy đủ những chứng cứ cần có sự tham gia của các cơ quan có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thẩm quyền. Mặt khác, sự tham gia phản ánh, góp ý, tố cáo của người dân và toàn xã hội một cách kịp thời cũng có ý nghĩa rất lớn trong công tác phát hiện tham nhũng hiện nay.

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 tiếp tục ghi nhận 3 biện pháp phát hiện tham nhũng bao gồm: biện pháp phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát; phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng.

**1. Phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị**

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định, công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo các hình thức: kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng; kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng. Công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan tổ chức, đơn vị được quy định cụ thể như sau:

***1.1. Công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước***

- Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

- Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Hành vi tham nhũng có thể xảy ra ở tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, chính vì vậy công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước vừa có tác dụng phát hiện các dấu hiệu tham nhũng, vừa có tác dụng ngăn ngừa hành vi tham nhũng và răn đe những người có ý đồ tham nhũng.

***1.2 Công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị***

Hoạt động tự kiểm tra nội bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị cũng có ý nghĩa rất lớn trong phát hiện và xử lý tham nhũng. Tự kiểm tra cũng giống như tự theo dõi và nhận diện những căn bệnh của bản thân thông qua một số biểu hiện nhất định. Việc tự kiểm tra có diễn ra mạnh mẽ hay không, có đạt được kết quả tốt hay không phụ thuộc rất nhiều vào trách nhiệm, quan điểm của người đứng đầu. Tại Điều 56 của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị trong việc tổ chức kiểm tra việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức do mình quản lý, đôn đốc các đơn vị trực thuộc, đồng thời phải xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện tham nhũng. Cụ thể:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý mà thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc đơn vị trực thuộc kiểm tra người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

- Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

***1.3 Kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân***

Tham nhũng là hành vi nguy hiểm cao và thường được thực hiện một cách tinh vi, bởi kẻ tham nhũng là những ngừoi có trình độ chuyên môn, có vị trí, địa vị xã hội, thậm chí có mối quan hệ thân thiết với nhũng người có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy nhà nước. Người càng có chức vụ cao thì cơ hội tham nhũng càng lớn và hành vi đó có tính chất càng nguy hiểm, nghiêm trọng. Việc phát hiện và xử lý các hành vi của những đối tượng đó càng khó khăn hơn. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã bổ sung quy định kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, tại Điều 57 như sau:

- Người đứng đầu Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân phải tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người có chức vụ, quyền hạn khác; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền, nhũng nhiễu và các hành vi khác vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người có chức vụ, quyền hạn khác của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

**2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát**

Kế thừa Luật năm 2005, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán tại Điều 60. Ngoài ra, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã bổ sung quy định thẩm quyền của cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước trong thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng tại Điều 61. Trách nhiệm của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử trong phát hiện tham nhũng. Cụ thể như sau:

***2.1.*** ***Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử***

Trong các phương thức kiểm soát việc thực thi quyền lực nhằm đấu tranh với tham nhũng, trước hết phải nói đến việc phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử và đại biểu dân cử. Hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử và đại biểu dân cử được thực hiện dưới hình thức nghe báo cáo và chất vấn đối với việc thực hiện công vụ của các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan quản lý nhà nước.Các cơ quan dân cử và đại biểu dân cử cũng là nơi tiếp nhận những ý kiến phản ánh của người dân thông qua tiếp xúc cử tri và có mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với nhân dân. Vì vậy, hoạt động giám sát của những cơ quan dân cử và đại biểu nhân dân là rất cần thiết, phát huy hiệu quả nhất định.

Điều 59 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định việc phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử như sau:

- Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thông qua hoạt động giám sát nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì đề nghị Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân xử lý theo quy định của pháp luật.

- Khi nhận được đề nghị nêu trên, Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phải xác minh, xử lý và thông báo kết quả cho cơ quan, đại biểu đã đề nghị.

- Khi nhận được đề nghị nêu trên, Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán hoặc xem xét, quyết định việc kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và thông báo kết quả cho cơ quan, đại biểu đã đề nghị.

Như vậy việc giám sát của các cơ quan quyền lực không trực tiếp phát hiện tham nhũng mà chủ yếu là phát hiện những vụ việc có dấu hiệu tham nhũng hoặc những mặt hạn chế, yếu kém của các cơ quan có trách nhiệm trong công tác phát hiện tham nhũng. Vì vậy, các cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát nhân dân những cơ quan có tính chất chuyên trách, có chuyên môn nghiệp vụ trong đấu tranh chống tham nhũng cần có những bước phối hợp với các cơ quan giám sát, để phát hiện các vụ việc tham nhũng theo quy định của pháp luật.

***2.2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán***

Hoạt động thanh tra, kiểm toán là những hoạt động có vai trò quan trọng trong việc phát hiện tham nhũng. Bởi vì hoạt động thanh tra, kiểm toán chủ yếu nhằm kiểm soát hoạt động thực thi công vụ của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, xem xét việc chấp hành về tài sản công, tài chính công là những lĩnh vực dễ dàng phát sinh tham nhũng. Hoạt động thanh tra được điều chỉnh bởi pháp luật thanh tra. Hoạt động kiểm toán được điều chỉnh bởi pháp luật kiểm toán. Chính vì vậy Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 chỉ bổ sung những quy định nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả phát hiện tham nhũng của các cơ quan này như sau:

- Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh, Kiểm toán nhà nước ra quyết định thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng khi có căn cứ theo quy định của Luật Thanh tra, Luật Kiểm toán nhà nước.

Để đảm bảo công tác thanh tra, kiểm toán góp phần phát hiện tham nhũng có hiệu quả, đồng thời cũng tránh sự chồng chéo trong hoạt động có thể làm ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Luật có sự phân định trách nhiệm giữa các cơ quan bằng việc xác định phạm vi, đối tượng cho từng cơ quan tại Điều 60:

- Cơ quan thanh tra, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo thẩm quyền như sau:

* Thanh tra Chính phủ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan ở trung ương thực hiện; người công tác tại Thanh tra Chính phủ thực hiện;
* Thanh tra Bộ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;
* Thanh tra tỉnh thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương thực hiện, trừ trường hợp quy định trên.

- Các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng tại các cơ quan, tổ chức có quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo phân công của Tổng Kiểm toán nhà nước.

- Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về kiểm toán nhà nước.

- Tổng Thanh tra Chính phủ, Tổng Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm phối hợp xử lý trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.

Trong quá trình thanh tra, kiểm toán nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán phải chỉ đạo xác minh, làm rõ vụ việc tham nhũng và xử lý như sau:

- Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc và kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cung cấp. Trong trường hợp này, Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước tiếp tục tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm toán về các nội dung khác theo kế hoạch tiến hành thanh tra, kế hoạch kiểm toán đã phê duyệt và ban hành Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về kiểm toán nhà nước;

- Trường hợp vụ việc không có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý phải thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý cho Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước đã kiến nghị.

Đối với trách nhiệm công khai Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán đã được quy định trong pháp luật về Thanh tra, pháp luật về Kiểm toán nhưng thực tế, việc thực hiện còn chưa được nghiêm túc, do đó Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 nhấn mạnh lại vấn đề này nhằm mục đích thúc đẩy tính minh bạch:

- Người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán có trách nhiệm công khai Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.

- Việc công khai Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về kiểm toán nhà nước.

*Xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán*:

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã quy định cả việc xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra và kiểm toán một cách cụ thể, rõ ràng. Điều này xuất phát từ thực tế có nhiều vụ việc đã được thanh tra, kiểm toán nhiều lần nhưng không phát hiện sai phạm nhưng sau đó chính những vụ việc đó lại được cơ quan chức năng phát hiện ra những sai phạm rất lớn. Vì vậy, việc quy định xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán, một mặt nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan này trong hoạt động, một mặt phòng ngừa, cảnh báo các hành vi tiêu cực của đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan này:

- Trường hợp sau khi kết thúc thanh tra, kiểm toán mà cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện có vụ việc tham nhũng xảy ra tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tiến hành thanh tra, kiểm toán về cùng một nội dung thì Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm toán, thành viên đoàn thanh tra, thành viên đoàn kiểm toán và cá nhân có liên quan đã tiến hành thanh tra, kiểm toán trước đó nếu có lỗi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp đoàn thanh tra, đoàn kiểm toán nếu đã phát hiện, báo cáo về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng nhưng người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán không xử lý thì Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm toán, thành viên đoàn thanh tra, thành viên đoàn kiểm toán và cá nhân có liên quan không phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**3. Phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng**

 Thực tiễn thời gian qua cho thấy, rất nhiều trường hợp người tố cáo nói chung, đặc biệt là người tố cáo hành vi tham nhũng bị đe dọa, trù dập trả thù làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, tính mạng không chỉ của họ mà còn của cả những người thân thích. Để khắc phục những hạn chế này, Luật Tố cáo cũng có những thay đổi để bảo vệ quyền của người tố cáo, bên cạnh đó, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 cũng đã đã mở rộng các hình thức tiếp nhận thông tin về tham nhũng so với quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, để khuyến khích người dân tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật nói chung và tố cáo hành vi tham nhũng nói riêng. Qua đó giúp các cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, thu thập các thông tin về tham nhũng nhằm phát hiện và xử lý nhanh chóng, kịp thời. Quy định này cũng giúp khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin liên quan đến hành vi có tham nhũng. Đồng thời, quy định rõ hơn trách nhiệm tiếp nhận và xử lý phản ánh, tố cáo, báo cáo về tham nhũng. Quy định bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng; quy định cụ thể hơn về việc khen thưởng người tố cáo, người có thành tích trong cung cấp phản ánh, tố cáo về tham nhũng. Đồng thời cũng quy định trách nhiệm của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng.

**IV. Xử lý tham nhũng và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

## **1. Xử lý tham nhũng**

Trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, đây là nội dung có nhiều sửa đổi, bổ sung, thể hiện sự nghiêm minh trong xử lý tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng, tăng cường hiệu quả thực thi Luật Phòng, chống tham nhũng và hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng. Vấn đề xử lý tham nhũng bao gồm xử lý người có hành vi tham nhũng và xử lý tài sản tham nhũng:

### *1.1. Xử lý người có hành vi tham nhũng*

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 cơ bản kế thừa một số quy định của Luật 2005 và có bổ sung cho phù hợp với yêu cầu đấu tranh chống tham nhũng trong tình hình hiện nay, cụ thể như sau:

- Người có hành vi tham nhũng dù ở bất kỳ chức vụ, vị trí công tác nào đều bị xử lý nghiêm minh kể cả đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác. Đây là nguyên tắc mới được bổ sung, thể hiện quan điểm của Đảng, không khoan nhượng với hành vi tham nhũng, không có vùng cấm trong đấu tranh chống tham nhũng và tránh tư tưởng “hạ cánh an toàn” khi đã nghỉ hưu, chuyển công tác.

- Người có hành vi tham nhũng tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì xem xét tăng hình thức kỷ luật. Quy định này nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu. Theo đó, cùng một hành vi vi phạm nhưng với vai trò là người đứng đầu nên phải chịu trách nhiệm cao hơn so với người khác.

- Người có hành vi tham nhũng chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác, tự giác nộp lại tài sản, góp phần hạn chế thiệt hại, khắc phục hậu quả thì được xem xét giảm hình thức kỷ luật, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hoặc miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Cán bộ, công chức bị kết án tội phạm tham nhũng, bản án quyết định của Toà án có hiệu lực đương nhiên bị buộc thôi việc, là Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân thì mất quyền Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tuỳ theo tính chất, mức độ của hành vi tham nhũng phải xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã có nhiều quy định góp phần cụ thể hóa các chế tài với những hành vi này.

### *1.2. Xử lý tài sản tham nhũng*

Trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, bên cạnh việc xử lý nghiêm minh người có hành vi tham nhũng, việc xử lý tài sản tham nhũng là hoạt động đặc biệt quan trọng tác động cơ, mục đích phạm tội. Việc áp dụng các biện pháp nhằm thu hồi tài sản tham nhũng còn khắc phục tối đa, giảm thiểu hậu quả thiệt hại cho ngân sách công.

Tài sản theo quy định của Điều 105 Bộ luật dân sự 2015 bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản, bao gồm động sản và bất động sản.

Tài sản tham nhũng (theo Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018) là *“tài sản có được từ hành vi tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng”.*

Nguyên tắc xử lý tài sản tham nhũng được quy định tại Điều 93 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018:

- Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật;

- Thiệt hại phải được khắc phục;

- Người có hành vi tham nhũng phải bồi thường.

**2. Quy định về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật tham nhũng**

### *2.1. Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*

Các hành vi khác vi phạm pháp luật khác trong phòng, chống tham nhũng bao gồm:

- Vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn chế độ;

- Vi phạm quy định về quy tắc ứng xử;

- Vi phạm quy định về xung đột lợi ích;

- Vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác;

- Vi phạm quy định về nghĩa vụ báo cáo và xử lý báo cáo hành vi tham nhũng;

- Vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình tài sản, thu nhập có biến động tăng;

- Vi phạm thời hạn kê khai tài sản, thu nhập, kiểm soát tài sản, thu nhập.

Đây là không phải là các hành vi tham nhũng, nhưng là những vi phạm pháp luật tạo điều kiện cho tham nhũng xảy ra, gây khó khăn cho việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng. Vì vậy, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, đã xây dựng cơ chế để xử lý các hành vi này. Về nguyên tắc và các chế tài xử lý thì tương tự nguyên tắc xử lý người có hành vi tham nhũng.

Nếu người có hành vi vi phạm là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội thì còn phải xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.

### *2.2. Quy định về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước*

Để tạo thuận lợi cho việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước, cũng như hoàn thiện về chế tài xử lý cho tất cả các chủ thể của pháp luật phòng, chống tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã quy định việc xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước tuỳ theo tính chất, mức độ như sau:

- Doanh nghiệp, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

- Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức đó. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện các biện pháp xử lý đối với người giữ chức danh, chức vụ quản lý thì bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra công bố công khai về tên, địa chỉ và hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Như vậy, theo quy định về xử lý vi phạm nói trên, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp tổ chức này, trong điều lệ, quy chế của mình phải quy định về việc xử lý trách nhiệm của người giữ chức danh, chức vụ quản lý khi vi phạm các quy định của Luật. Nếu không có quy định hoặc có quy định nhưng doanh nghiệp, tổ chức không tự xử lý người có hành vi vi phạm thì sẽ bị cơ quan có thẩm quyền công bố công khai về tên, địa chỉ và hành vi vi phạm. Đối với doanh nghiệp thì hình thức này sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến uy tín, danh dự, hiệu quả kinh doanh. Thậm chí, doanh nghiệp còn có thể không được tham gia các gói thầu mà việc không vi phạm Luật Phòng, chống tham nhũng là một tiêu chí dự thầu. Bằng các chế tài này, Luật Phòng, chống tham nhũng sẽ góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp, tổ chức, góp phần xây dựng môi trường, văn hóa kinh doanh lành mạnh, công bằng, vì sự phát triển bền vững của chính doanh nghiệp, tổ chức đó.

**Chuyên đề 2**

**TỔ CHỨC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

**I. Khái quát chung về kê khai tài sản, thu nhập**

**1. Một số khái niệm**

- *Kiểm soát tài sản, thu nhập* là hoạt động mà cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm của Người kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác quản lý cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản.

- *Kê khai tài sản, thu nhập*  là việc ghi thông tin về các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- *Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập* là việc công bố đầy đủ thông tin trong Bản kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là Bản kê khai) bằng các hình thức theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- *Giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm* là việc người kê khai giải thích và làm rõ về nguồn gốc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm.

**2. Nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập**

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, tại Điều 33 quy định về nghĩa vụ kê khai tài sản như sau:

- Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên;

- Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

**3. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập**

Theo quy định tại Điều 44 Luật Phòng, chống tham nhũng 2005, đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập bao gồm:

 - Cán bộ từ Phó phòng của UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh trở lên và tương đương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Một số cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn;

 - Người làm công tác quản lý ngân sách, tài sản cả Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân;

 - Người ứng cử Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân.

Quy định này chưa chặt chẽ, khiến cho việc xác định đối tượng trên thực tế là khá khó khăn, bất hợp lý, rất khó xác định chính xác các đối tượng phải kê khai tài sản.

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã điều chỉnh theo hướng vừa mở rộng, nhưng cũng đồng thời thu hẹp phạm vi trong kê khai tài sản thu nhập, giúp cho việc xác định các đối tượng kê khai tài sản dễ dàng, đơn giản hơn. Theo đó 4 nhóm người sau có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên:

 - Nhóm 1: Cán bộ, công chức;

 - Nhóm 2: Sĩ quan CAND; Sĩ quan QĐND, quân nhân chuyên nghiệp;

 - Nhóm 3: Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử đại diện phần vốn góp của nhà nước tại doanh nghiệp;

 - Nhóm 4: Người ứng cử Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân.

Với quy định này, tất cả các cán bộ, công chức đều phải kê khai tài sản, thu nhập.

**4. Tài sản thu nhập phải kê khai**

Luật PCTN 2018 bên cạnh việc kế thừa Luật 2005, còn bổ sung tài sản, thu nhập phải kê khai như: ***công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, tài sản, tài khoản ở nước ngoài; công trình xây dựng; tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.***

**Cụ thể, tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm:**

- Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;

- Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;

- Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

- Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

Việc quy định đầy đủ, bao quát các loại tài sản, thu nhập phải kê khai sẽ giúp kiểm soát thực chất hơn tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Bên cạnh đó, để quy định cụ thể hơn về các loại tài sản và việc kê khai các loại tài sản được dễ áp dụng hơn, tại Khoản 2 Điều 35 giao cho Chính phủ quy định mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập.

**5. Phương thức và thời điểm kê khai TSTN**

### Luật PCTN 2018 quy định 4 trường hợp phải kê khai:

### - *Kê khai lần đầu* được thực hiện đối với Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng, bao gồm: Cán bộ, công chức; Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

**-** ***Kê khai bổ sung*** được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên; Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về thu nhập, trừ trường hợp phải kê khai hàng năm.

**- *Kê khai hằng năm*** được thực hiện đối với những người giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương trở lên; những người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ. Việc kê khai đối với những người này phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- ***Kê khai phục vụ công tác cán bộ*** được thực hiện đối với những người có nghĩa vụ kê khai khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khải phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

**II. Tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập**

Nhằm đáp ứng cải tiến phương thức quản lý, kiểm soát tài sản, thu nhập thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin, các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước thực hiện những công việc trong tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập như sau: Ban hành văn bản tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập và giao nhiệm vụ cho các bộ phận, theo đó, Các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện Kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản thu nhập theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng 2018 và Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Bộ phận được giao nhiệm vụ tiến hành triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập; Người có nghĩa vụ kê khai phải hoàn thành việc kê khai và gửi bản kê khai cho bộ phận giao nhiệm vụ trong thời gian quy định tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Tiếp nhận, quản lý bản kê khai, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền. Cụ thể bao gồm các bước sau:

**1.** **Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai**

 Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương (trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu của việc kê khai tài sản thu nhập, nêu rõ đối tượng, thời gian và phương thức thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập và trách nhiệm thực hiện của các tổ chức, đơn vị, cá nhân). Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (gọi tắt là người có nghĩa vụ kê khai) có trách nhiệmlập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và gửi cho cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập có thẩm quyền. Cụ thể:

- Việc lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị được trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt; danh sách phải xác định rõ đối tượng thuộc cấp ủy quản lý, đối tượng thuộc cấp trên quản lý, đối tượng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý. Danh sách người có nghĩa vụ kê khai được gửi cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền.

**2. Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai**

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai gửi Mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi là Bản kê khai) và hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai.

- Việc kê khai lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai hàng năm và kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Hướng dẫn việc kê khai ban hành tại phụ lục kèm theo Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Nghị định 130/2020/NĐ-CP có 2 mẫu kê khai tài sản thu nhập: Mẫu 1, áp dụng cho việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ (Phụ lục I, Nghị định 130/2020/NĐ-CP); Mẫu 2, áp dụng đối với bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung. (Phụ lục II, Nghị định 130/2020/NĐ-CP).

Trong quá trình hướng dẫn, cần đặc biệt quan tâm đến một số nội dung hay sảy ra sai sót như: ghi thông tin chung, kê khai phần thông tin chung, kê khai phần thông tin mô tả về tài sản, kê khai phần biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm.

- Yêu cầu người có nghĩa vụ thực hiện việc kê khai theo mẫu Bản kê khai,thời gian kê khai, tài sản, thu nhập kê khai (theo từng phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

- Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai 02 bản kê khai theo mẫu và gửi về cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai.

**3. Lập sổ theo dõi bản kê khai, tiếp nhận và bàn giao bản kê khai**

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lập sổ theo dõi, tiếp nhận, và bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập như sau:

- Tiếp nhận bản kê khai: Cơ quan thanh tra hoặc đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ có trách nhiệm lập sổ theo dõi bản kê khai, tiếp nhận bản kê khai và phải ghi vào sổ theo dõi kê khai, giao, nhận Bản kê khai.

- Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì Cơ quan thanh tra hoặc đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền theo Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng quy định về các cơ quan kiểm soát tài sản.

Việc bàn giao Bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập thực hiện theo hướng dẫn của Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Như vậy, hồ sơ quản lý kê khai tài sản, thu nhập sẽ bao gồm: các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai; danh sách đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định; Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai (02 bản); Sổ theo dõi việc giao nhận bản kê khai.

**III. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập**

Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền công bố đầy đủ thông tin về các loại tài sản, thu nhập; biến động tài sản, thu nhập phải kê khai; nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm trong Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

Mục đính công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai là để cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền biết rõ tài sản, thu nhập và qua đó nắm được tình trạng và sự biến động tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản.

 Xác định được vai trò quan trọng của việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, nhằm từng bước thực hiện minh bạch hóa tài sản, thu nhập. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng đã quy định về trách nhiệm, đối tượng, hình thức, trình tự, thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai như sau:Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc; bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm. bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử; bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Cụ thể, Điều 11,12,13 Nghị định 130/2020/NĐ-CP quy định chi tiết về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập như sau:

**1. Công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị**

- Việc công khai bản kê khai đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như sau:

+ Bản kê khai của người giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng và tương đương trở lên công tác tại các cơ quan trung ương được niêm yết tại trụ sở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo từ cấp cục, vụ và tương đương trở lên;

Bản kê khai của người giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống được niêm yết tại đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo cấp phòng trở lên trong đơn vị, nơi không tổ chức đơn vị cấp phòng thì tại cuộc họp toàn thể đơn vị. Bản kê khai của những người khác được niêm yết tại phòng, ban, đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị; nếu biên chế của phòng, ban, đơn vị có từ 50 người trở lên và có tổ, đội, nhóm thì công khai trước toàn thể công chức, viên chức thuộc tổ, đội, nhóm;

+ Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân.

Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc sở, ngành cấp tỉnh, phòng, ban cấp huyện được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã hoặc công khai tại cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức xã;

+ Bản kê khai của những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được niêm yết tại trụ sở doanh nghiệp nhà nước hoặc công khai tại cuộc họp gồm Ủy viên Hội đồng thành viên, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Trưởng các đoàn thể trong tập đoàn, tổng công ty nhà nước;

+ Bản kê khai của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp như được nêu tại các điểm a, b và c khoản này.

- Việc công khai bản kê khai tại cuộc họp đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như quy định trên và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

- Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**2. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị**

- Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được công khai bao gồm bản kê khai lần đầu, bản kê khai phục vụ việc bổ nhiệm và bản kê khai hàng năm hoặc bản kê khai bổ sung liền trước đó.

Việc công khai được thực hiện bằng hình thức công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

- Trước khi lấy phiếu tín nhiệm, người chủ trì cuộc họp thực hiện việc công khai bản kê khai như sau:

+ Phát cho những người bỏ phiếu tín nhiệm bản sao của các bản kê khai nêu tại khoản 1 Điều này;

+ Đọc hoặc phân công người đọc bản kê khai phục vụ bổ nhiệm và Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (nếu có).

Người kê khai có quyền giải thích các ý kiến nêu tại cuộc họp liên quan tới bản kê khai (nếu có).

- Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập phải được ghi vào biên bản cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

**3. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước**

- Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp để bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Việc công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

Như vậy, có thể nói, việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai là một trong những biện pháp hữu hiệu để minh bạch tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, tiến tới kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn nhằm phòng, chống tham nhũng. Mục đích của tham nhũng chủ yếu là tài sản, một trong những biện pháp hiệu quả là giám sát quá trình tích tụ tài sản của người có hành vi tham nhũng và muốn kiểm soát có hiệu quả, trước tiên cần phải công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập.

Vì vậy, công khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm minh bạch tài sản, thu nhập là một trong những biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập quan trọng, góp phần phòng ngừa tham nhũng.

**Chuyên đề 3**

**XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP**

# **I. Khái quát chung về xác minh tài sản, thu nhập**

## **1. Khái niệm**

Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là một trong những biện pháp phòng ngừa tham nhũng quan trọng được Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định.

Bản chất của tham nhũng là vụ lợi. Người có chức vụ, quyền hạn thực hiện hay đồng lõa, bao che, tiếp tay cho hành vi tham nhũng là vì những lợi ích vật chất hoặc phi vật chất mà bản thân mình, người thân, gia đình của mình sẽ được nhận. Thực hiện kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn một cách toàn diện và triệt để, chính là xóa bỏ đi mục tiêu của hành vi tham nhũng, nhằm ngăn ngừa tham nhũng.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đặc biệt coi trọng công tác phòng ngừa tham nhũng, trong đó biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập là một trong những biện phap phòng ngừa tham nhũng quan trọng, với nhiều quy định đổi mới căn bản, như: các quy định về các cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập, kê khai tài sản thu nhập, xác minh tài sản thu nhập và trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Có thể nói, xác minh tài sản, thu nhập là một khâu quan trọng trong quá trình kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Song song với việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cũng cần chủ động xác minh tính đầy đủ, trung thực, chính xác về tài sản, thu nhập được kê khai, và nguồn gốc của tài sản, thu nhập được tăng thêm.

Theo Khoản 5 Điều 3 Nghị định 130/2020/NĐ-CP quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, thì Xác minh tài sản được hiểu:*“là việc kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai và xem xét, đánh giá, kết luận của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai và tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”*.

Như vậy, so với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã có nhiều quy định mới, cụ thể, chi tiết hơn về thẩm quyền, căn cứ, nội dung, thủ tục thực hiện xác minh tài sản thu nhập.

## **2. Về căn cứ xác minh tài sản, thu nhập**

Căn cứ Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập sẽ tiến hành xác minh tài sản, thu nhập khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực;

- Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc;

- Có tố cáo về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo;

- Thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên; (chi tiết việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm được quy định tại Chương V của Nghị định 130/2020/NĐ-CP);

- Có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Như vậy, có thể thấy, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 mở rộng phạm vi cho việc tiến hành xác minh tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Việc xác minh tài sản, thu nhập có thể được tiến hành khi cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập phát hiện hành vi kê khai không trung thực, giải trình không hợp lý; khi có những tố cáo được thụ lý, hoặc khi có các yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo luật định.

Điều này tạo ra cơ chế giám sát, kiểm tra chéo lẫn nhau, huy động sự tham gia của nhiều bên độc lập, nhiều chủ thể vào giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập.

Mặt khác, việc xác minh tài sản, thu nhập còn được thực hiện ngẫu nhiên, để tránh mọi sự can thiệp vào quá trình lựa chọn đối tượng xác minh tài sản, thu nhập. Đây là những cơ chế để đảm bảo sự khách quan, trung thực trong xác minh tài sản, thu nhập.

## **3. Thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập**

Căn cứ Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định về thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập, khi có một trong các căn cứ ở điểm a, b và c Khoản 1 Điều 41 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, hoặc khi xét thấy cần có thêm thông tin để phục vụ cho công tác cán bộ, những cơ quan, tổ chức, cá nhân sau đây có quyền yêu cầu hoặc kiến nghị Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu xác minh đối với người dự kiến được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bầu, phê chuẩn hoặc bổ nhiệm, người dự kiến được bổ nhiệm Phó Tổng Kiểm toán nhà nước;

- Chủ tịch nước yêu cầu xác minh đối với người dự kiến được bổ nhiệm Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Thủ tướng Chính phủ yêu cầu xác minh đối với người dự kiến được bổ nhiệm Thứ trưởng và chức vụ tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ, người dự kiến được bầu hoặc đề nghị phê chuẩn chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu xác minh đối với người dự kiến được bổ nhiệm Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân các cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu xác minh đối với người dự kiến được bổ nhiệm Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp, trừ trường hợp những người được bổ nhiệm là Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu xác minh đối với người dự kiến được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu xác minh đối với người dự kiến được bầu hoặc đề nghị phê chuẩn chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp;

- Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam yêu cầu xác minh đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Cơ quan thường vụ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội yêu cầu xác minh đối với người dự kiến được bầu tại đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội;

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người có thẩm quyền quản lý cán bộ đối với người có nghĩa vụ kê khai yêu cầu hoặc kiến nghị xác minh đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng trực tiếp của mình, trừ những trường hợp đã được quy định ở trên.

Đây là các cơ chế để rà soát sự minh bạch về tài sản, thu nhập của những người sắp được bầu cử, bổ nhiệm, v.v… vào các vị trí có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy nhà nước. Cơ chế này vừa có ý nghĩa về phòng, chống tham nhũng, vừa có ý nghĩa về công tác cán bộ, khi giúp loại bỏ các cá nhân có sự không rõ ràng về tài sản, thu nhập khỏi cơ cấu lãnh đạo của nhà nước.

Mặt khác, theo Khoản 2, Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác có quyền yêu cầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xác minh tài sản, thu nhập nếu trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án xét thấy cần làm rõ về tài sản, thu nhập có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật. Đây là cơ chế thể hiện sự phối hợp giữa cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan tố tụng, góp phần phòng ngừa tham nhũng, cũng như giúp làm rõ các tình tiết của vụ việc phạm pháp, như số tiền thu lợi bất chính của đối tượng, bị can, bị cáo trong các vụ việc tham nhũng.

## **4. Nội dung xác minh tài sản, thu nhập**

Theo quy định tại điều 43, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, nội dung xác minh tài sản, thu nhập bao gồm hai vấn đề chính:

*Thứ nhất* là tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai.

*Thứ hai* là tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

Như vậy, hai nội dung xác minh tài sản, thu nhập nêu trên hướng đến làm rõ quy mô của toàn bộ tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, cũng như sự biến động tăng thêm của các tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong kỳ kê khai. Việc kê khai không đầy đủ, không rõ ràng, giải trình thiếu trung thực đều trở thành căn cứ để xác minh tài sản, thu nhập, và xử lý theo pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

## **5. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập**

Việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm được quy định cụ thể tại Chương V, Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm, cần trên một trong các căn cứ sau:

- Tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng ở các ngành, lĩnh vực và địa phương;

- Các yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Định hướng xây dựng kế hoạch xác minh do Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hằng năm;

- Khả năng, điều kiện thực hiện các mục tiêu xác minh.

Căn cứ vào những quy định trên, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo cơ quan thanh tra xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; nơi không có cơ quan thanh tra thì chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ thực hiện.

Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập, phải có các nội dung sau:

- Mục đích, yêu cầu của kế hoạch xác minh;

- Số lượng và tên cơ quan, đơn vị được xác minh;

- Tổng số người được xác minh, số lượng người được xác minh phân bổ theo cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch xác minh, người được phân công chỉ đạo việc thực hiện, đơn vị được phân công tiến hành xác minh, nguồn lực để thực hiện xác minh.

Về phê duyệt và thực hiện kế hoạch xác minh, căn cứ theo Điều 15 Nghị định 130/2020/NĐ-CP: Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng phê duyệt nội dung và ban hành kế hoạch xác minh hàng năm.

Đối với Thanh tra tỉnh, Chánh thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch xác minh hằng năm sau khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch.

Kế hoạch xác minh hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình; riêng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính phải bảo đảm tối thiểu bằng 10%.

Có thể thấy, số cơ quan phải tiến hành xác minh tài sản, thu nhập là rất lớn. Ngoại lệ là các bộ ngành đặc thù như công an, quân đội (lực lượng vũ trang), ngoại giao (có nhiều cơ quan, đơn vị ở nước ngoài), tài chính (có biên chế tổ chức lớn, nhiều cơ quan ngành dọc ở địa phương, chiếm khoảng 2/3 biên chế công chức cả nước).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kế hoạch xác minh được ban hành. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Việc lụa chọn được thực hiện công khai bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính.

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải mời đại diện Ủy ban kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp dự và chứng kiến việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Điều này thể hiện vai trò giám sát của Đảng và của nhân dân với hoạt động của bộ máy nhà nước

Số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tiêu chí lựa chọn người được xác minh theo kế hoạch được quy định tại điều 16 Nghị định 130/2020/NĐ-CP, căn cứ vào các tiêu chí sau đây:

- Người có nghĩa vụ kê khai là đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm.

- Người có nghĩa vụ kê khai chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 04 năm liền trước đó.

Mặt khác, những người có nghĩa vụ kê khai không thuộc một trong các trường hợp sau:

- Người đang bị điều tra, truy tố, xét xử;

- Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận;

- Người đang học tập, công tác ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên.

# **II. Tổ chức việc xác minh tài sản, thu nhập**

Có thể nói, góp phần kiểm soát tài sản của người có chức vụ, quyền hạn nhằm phòng ngừa tham nhũng, việc xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực, rõ ràng nội dung kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai. Bên cạnh đó, xác minh tài sản, thu nhập một mặt còn nhằm ngăn ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tham nhũng đối với người có nghĩa vụ kê khai.

Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã có nhiều điểm mới quy định về xác minh tài sản thu nhập, mở rộng thẩm quyền, căn cứ và thủ tục trình tự tiến hành việc xác minh. Cụ thể, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện qua các bước sau:

## **1. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Quyết định xác minh và thành lập Tổ xác minh**

- Người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ xác minh quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền), hoặc 15 ngày kể từ ngày có căn cứ xác minh khác (quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 41 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

- Việc quy định thời hạn ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập chỉ trong vòng 05 ngày khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền là phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, đảm bảo sự phối hợp giữa công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, với công tác tổ chức cán bộ, công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, tố tụng, đấu tranh phòng chống tội phạm v.v…

### *1.1. Nội dung quyết định xác minh tài sản, thu nhập*

Căn cứ khoản 2, điều 45 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Quyết định xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây:

- Căn cứ ban hành quyết định xác minh;

- Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của người được xác minh tài sản, thu nhập;

- Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập;

- Nội dung xác minh;

- Thời hạn xác minh;

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập;

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phối hợp (nếu có).

## ***1.2. Thành lập*** ***Tổ xác minh tài sản, thu nhập***

Quyết định xác minh tài sản, thu nhập phải được gửi cho Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập, người được xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định xác minh (Khoản 3 Điều 45 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

Tổ xác minh tài sản, thu nhập gồm có Tổ trưởng và các thành viên. Trường hợp nội dung xác minh có tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị thì người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan cử người tham gia Tổ xác minh tài sản, thu nhập.

Theo Khoản 1, Điều 46 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, không được bố trí người tham gia Tổ xác minh tài sản, thu nhập là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người được xác minh hoặc người khác mà có căn cứ cho rằng người đó có thể không vô tư, khách quan trong việc xác minh tài sản, thu nhập.

### *1.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập*

Theo Khoản 2, Điều 46 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Yêu cầu người được xác minh giải trình về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó;

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

- Kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đang quản lý tài sản, thu nhập áp dụng biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch tài sản, thu nhập hoặc hành vi khác cản trở hoạt động xác minh tài sản, thu nhập;

- Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền định giá, thẩm định giá, giám định tài sản, thu nhập phục vụ cho việc xác minh;

- Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bằng văn bản với người ra quyết định xác minh và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người ra quyết định xác minh về nội dung báo cáo;

- Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình xác minh.

### *1.4 Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập*

Theo Khoản 3, Điều 46 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thu thập thông tin, tài liệu, xác minh tại chỗ đối với tài sản, thu nhập và thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổ trưởng;

- Kiến nghị Tổ trưởng áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Tổ trưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổ trưởng về nội dung báo cáo;

- Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình xác minh.

## **2. Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình**

Theo Khoản 1 Điều 47 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, người được xác minh tài sản, thu nhập có quyền và nghĩa vụ giải trình về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

- Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc người có nghĩa vụ kê khai tự giải thích, chứng minh về việc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm so với lần kê khai liền trước đó.

- Việc yêu cầu giải trình là một biện pháp xác minh tài sản, thu nhập, do Tổ trưởng tổ xác minh tài sản, thu nhập tiến hành, để thu thập ý kiến, quan điểm, kiến giải, trình bày của người được xác minh tài sản, thu nhập về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

- Đây là cơ sở quan trọng để xác định tính trung thực và ý thức tự giác của người được xác minh tài sản, thu nhập, làm cơ sở cho những biện pháp tiếp theo, và cho việc xử lý trong tương lai.

## **3. Tiến hành xác minh tài sản thu nhập**

Song song với việc yêu cầu giải trình từ người được xác minh tài sản, thu nhập, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập có thẩm quyền thực hiện một số biện pháp xác minh tài sản, thu nhập, như:

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

- Kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đang quản lý tài sản, thu nhập áp dụng biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch tài sản, thu nhập hoặc hành vi khác cản trở hoạt động xác minh tài sản, thu nhập;

- Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền định giá, thẩm định giá, giám định tài sản, thu nhập phục vụ cho việc xác minh;

Về trình tự, thủ tục yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, được quy định tại Chương II, Nghị định 130/2020/NĐ-CP, theo đó:

Người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người yêu cầu) để phục vụ việc theo dõi biến động tài sản, thu nhập, xây dựng kế hoạch xác minh và xác minh tài sản, thu nhập, bao gồm:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin (sau đây gọi là người được yêu cầu) có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin theo yêu cầu của người yêu cầu và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp.

- Việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định phải được thực hiện bằng văn bản. Nội dung văn bản yêu cầu gồm có:

- Mục đích, căn cứ yêu cầu cung cấp thông tin;

- Những thông tin cần được cung cấp;

- Thời hạn cung cấp thông tin;

- Hướng dẫn việc cung cấp thông tin bằng văn bản, thông điệp dữ liệu;

- Yêu cầu khác (nếu có).

Về thời hạn cung cấp thông tin: Người được yêu cầu phải thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

Trong trường hợp thông tin được yêu cầu cung cấp là thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn cung cấp thông tin là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể cung cấp được thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn thì người được yêu cầu phải có văn bản đề nghị người yêu cầu xem xét, giải quyết.

Người được yêu cầu phải chấp hành quyết định của người yêu cầu cung cấp thông tin.

Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài nhà nước và cá nhân cũng được thực hiện tương tự theo quy định trên.

Riêng với việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

## **4. Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập**

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập phải báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bằng văn bản cho người ra quyết định xác minh; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày.

Đây là thời hạn phù hợp, không quá dài để gây khó khăn cho xử lí, nhưng không quá ngắn để có đủ thời gian hoàn thiện, đảm bảo tính đầy đủ của báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập.

Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây:

- Nội dung được xác minh, hoạt động xác minh đã được tiến hành và kết quả xác minh;

- Đánh giá về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm;

- Kiến nghị xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập.

## **5. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập**

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

Kết luận xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây:

- Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của việc kê khai tài sản, thu nhập;

- Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm;

- Kiến nghị người có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Người ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập phải chịu trách nhiệm về tính khách quan, trung thực của Kết luận xác minh. Đây là kết luận mang tính pháp lý, để làm cơ sở xác định tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của việc kê khai tài sản, thu nhập, và giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, để làm căn cứ xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập của cấp có thẩm quyền.

## **6. Gửi và công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập**

Kết luận xác minh tài sản, thu nhập phải được gửi cho người được xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân yêu cầu, kiến nghị xác minh theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Người được xác minh có quyền khiếu nại Kết luận xác minh tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập có trách nhiệm công khai Kết luận xác minh.

 Việc công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện như việc công khai bản kê khai quy định tại Điều 39 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Điều này đặt việc xác minh tài sản, thu nhập dưới sự giám sát của các cơ quan chức năng, và đông đảo quần chúng, dư luận nhân dân.

**Chuyên đề chuyên sâu**

**KỸ NĂNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG**

**I. Yêu cầu, nguyên tắc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

**1. Một số yêu cầu trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

***1.1. Đơn giản, dễ nhớ, dễ hiểu và dễ thực hiện***

Phòng chống tham nhũng là một tổ hợp các chế định pháp luật phức tạp, bao gồm cả các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng. Các quy định của pháp luật phòng chống tham nhũng có ở Luật phòng chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành (các Nghị định, Thông tư...). Các quy định của pháp luật phòng chống tham nhũng lại có liên quan đến nhiều văn bản pháp luật khác như Bộ luật hình sự, Tố tụng hình sự, Luật thanh tra, Luật tố cáo, các Luật về tổ chức các cơ quan Nhà nước...Mặt khác, tham nhũng lại có những tác hại trên nhiều mặt của đời sống xã hội, có liên quan đến trách nhiệm của nhiều thành phần trong bộ máy Nhà nước và trong xã hội. Vì vậy, yêu cầu của việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng là phải mang tính khái quát cao, đơn giản hóa những chế định của pháp luật, để người được tuyên truyền dễ hiểu, dễ tiếp thu, dễ nhớ và dễ thực hiện.

***1.2. Có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng đối tượng***

Đối tượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng rất đa dạng: từ cán bộ, công chức đến quần chúng nhân dân, từ nhà quản lý đến các doanh nghiệp...Vì vậy, cần lựa chọn nội dung trọng tâm và có phương pháp phù hợp cho từng đối tượng. Đối với cán bộ, công chức thì tập trung vào việc tuyên truyền phổ biến các hành vi tham nhũng, các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, các biện pháp xử lý tham nhũng; đối với quần chúng nhân dân thì đặt trọng tâm vào tác hại của hành vi tham nhũng, các biểu hiện của hành vi tham nhũng, quyền và nghĩa vụ của công dân tham gia phòng chống tham nhũng thông qua quyền tố cáo, kiến nghị, phản ánh; đối với các nhà quản lý thì tập trung vào các chế định về trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện các biện pháp phát hiện, phòng ngừa và xử lý các hành vi tham nhũng; đối với các doanh nghiệp thì đặt trọng tâm vào tham nhũng trong khu vực tư, về văn hóa kinh doanh phi tham nhũng...

***1.3. Phải đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến***

Có nhiều hình thức phổ biến, tuyên truyền như: tuyên truyền trực tiếp qua các hội nghị, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo hình, báo viết, báo nói, báo điện tử), tuyên truyền qua các ấn phẩm, qua các trang web của cơ qaun, đơn vị, tuyên truyền qua các hình thức khác (như tổ chức các cuộc thi, sáng tác các tiểu phẩm, các tác phẩm văn học, nghệ thuật về chủ đề phòng chống tham nhũng..). Việc lựa chọn hình thức nào, hoặc kết hợp nhiều hình thức là tùy thuộc vào đặc thù của đối tượng tuyên truyền, đặc thù của địa bàn dân cư hay đặc thù của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở coi trọng tính hiệu quả.

***1.4. Đảm bảo có tính hệ thống và tính toàn diện***

Phòng chống tham nhũng được thực hiện trên cơ sở nền tảng là tư tưởng Hồ Chí Minh, là vấn đề liên quan đến thể chế chính trị, bộ máy Nhà nước và nền hành chính Nhà nước. Phòng chống tham nhũng gắn bó chặt chẽ với vấn đề xây dựng và chỉnh đốn Đảng, cũng như xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, của nhân dân, vì nhân dân. Chống tham nhũng cũng liên quan trực tiếp đến chủ trương xây dựng một Chính phủ liêm chính, kiến tạo, vì người dân, vì doanh nghiệp. Phòng chống tham nhũng cũng liên quan đến việc thực hiện các quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền được giám sát, quyền khiếu nại, tố cáo. Vì vậy, khi nói đến đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng thì không thể không kết hợp đề cập đến tư tưởng của Bác Hồ về bài trừ tham ô, lãng phí, về giữ gìn phẩm chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, không thể không nói đến nâng vai trò lãnh đạo của Đảng, cải cách bộ máy nhà nước và nền hành chính Nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền, định hướng XHCN và bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và của người dân.

***1.5. Phải quán triệt tinh thần chủ đạo của Đảng và Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng vào công tác tuyên truyền***

Phương châm chủ đạo của Đảng và Nhà nước tavề phòng chống tham nhũng bao gồm:

- Phòng chống tham nhũng là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của toàn bộ hệ thống chính trị;

- Phòng chống tham nhũng đòi hỏi phải có nhiều giải pháp đồng bộ và là một quá trình đấu tranh lâu dài với sự quyết tâm cao, kiên trì và kiên định;

- Công cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự tham gia rộng rãi và có hiệu quả của mọi tầng lớp nhân dân;

- Trong phòng chống tham nhũng cần phải tiến hành đồng bộ cả 03 nhóm giải pháp (phòng ngừa - phát hiện - xử lý), trong đó, đặc biệt coi trọng công tác phòng ngừa.

**2. Các nguyên tắc trong thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

***2.1. Bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ***

Phòng, chống tham nhũng là vấn đề nhạy cảm. Như trên đã đề cập, nó có liên quan mật thiết đến nền tảng tư tưởng, đến vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước và là vấn đề mang tính sống còn của chế độ ta. Hiện nay, một số thế lực thù địch lợi dụng thực trạng một bộ phận cán bộ, Đảng viên thoái hóa, biến chất, tham nhũng, tiêu cực để tuyên truyền chống chế độ, làm chia rẽ, suy giảm lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Luận điệu của những thế lực này là coi những biểu hiện tham nhũng thuộc về bản chất của chế độ, là hệ quả của chế độ chính trị XHCN. Chúng lợi dụng những bất cập trong công tác lãnh đạo và quản lý để xuyên tạc, tuyên truyền chống chế độ. Vì vậy, nguyên tắc hàng đầu trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng là phải làm cho cán bộ và nhân dân hiểu đúng bản chất của tham nhũng, nguyên nhân của tham nhũng, tình hình tham nhũng ở Việt nam và thế giới cũng như những kết quả quan trọng của công cuộc đấu tranh chống tham nhũng do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Công tác tuyên truyền, phổ biến phải luôn luôn gắn với việc phản bác một cách thuyết phục những luận điệu của các thế lực phản động để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và chế độ, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

***2.2. .Bảo đảm tính chính xác, khách quan***

Sự chính xác trong việc phổ biến, tuyên truyền có ý nghĩa mang tính quyết định đối với hiệu quả của công tác này. Tính chính xác bao gồm:

- Chính xác về nội dung các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng;

- Chính xác về tinh thần chủ đạo trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng;

- Chính xác về số liệu, về sự kiện, dữ kiện phản ánh tình hình đấu tranh phòng chống tham nhũng, kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

- Không suy diễn, không tư biện, không tô hồng nhưng cũng không bôi đen thực trạng.

***2.3. Phải coi trọng tính mục tiêu và tính hiệu quả***

Mục tiêu của mỗi hoạt động tuyên truyền được xác định trên cơ sở của đối tượng tuyên truyền. Mỗi nhóm đối tượng sẽ có những nhu cầu riêng và như vậy sẽ đặt ra những mục tiêu riêng. Việc xác định mục tiêu của mỗi hoạt động tuyên truyền tương ứng với từng nhóm đối tượng sẽ là căn cứ để xác định hình thức tuyên truyền, nội dung tuyên truyền và phương pháp tuyên truyền cho phù hợp.

Hiệu quả của việc tuyên truyền được đánh giá dựa vào mức độ đạt được mục tiêu. Hiệu quả không thể hiện ở việc tiến hành được bao nhiêu hoạt động, mở được bao nhiêu hội nghị, tuyên truyền cho bao nhiêu lượt người...mà được thể hiện ở việc chúng ta đạt được những mục tiêu nào trong những mục tiêu đã đề ra.

**II. Một số kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

**1. Kỹ năng tuyên truyền trực tiếp**

Tuyên truyền trực tiếp hình thức tuyên truyền trực tiếp mà đặc trưng chính là dùng lời lẽ trực tiếp truyền đạt cho người nghe. Tuyên truyền trực tiếp chủ yếu được thực hiện thông qua các hội nghị, hội thảo, toạ đàm, tập huấn, nói chuyện chuyên đề, giới thiệu văn bản pháp luật mới, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật. Tuyên truyền trực tiếp có ưu thế là tính linh hoạt, có thể tiến hành ở bất cứ địa điểm nào, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào với số lượng người nghe bao nhiêu. Người nói có điều kiện thuận lợi để giải thích, phân tích, người nghe có cơ hội trao đổi, thảo luận, hỏi thêm những điều chưa rõ. Chủ thể thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua hình thức trực tiếp cần đáp ứg ứng những yêu cầu cơ bản sau đây:

***1.1. Tạo ấn tượng ban đầu cho người nghe***

Việc gây thiện cảm ban đầu cho người nghe rất quan trọng. Thiện cảm ban đầu thể hiện ở nhân thân, tâm thế và biểu hiện của người nói khi bước lên bục tuyên truyền. Thiện cảm ban đầu còn được tạo ra bởi khung cảnh của hội trường, khung cảnh của diễn đàn, dáng vẻ bề ngoài, y phục, nét mặt, cử chỉ, phong thái, lời giao tiếp ban đầu. Như vậy, báo cáo viên cần phải tươi cười bao quát hội trường, có lời chào mừng, chúc tụng, có câu mở đầu dí dỏm, hài hước, công bố thời gian, chương trình làm việc rõ ràng, thoải mái... sẽ gây được thiện cảm ban đầu đối với người nghe. Thế nhưng, thiện cảm ban đầu chủ yếu là ở cách đặt vấn đề đầu tiên của người nói. Trong những phút đầu tiên của bài giới thiệu, người nói phải nêu được khoảng từ 3, 4 vấn đề chủ yếu mà người nghe cần tìm hiểu nhất. Việc nêu các vấn đề đó còn tuỳ thuộc ở khả năng thuyết trình của báo cáo viên. Báo cáo viên có thể bắt đầu từ một câu chuyện pháp luật được các phương tiện thông tin đại chúng nói đến nhiều thời gian qua hoặc có thể bắt đầu từ một bộ phim đã chiếu khá phổ biến hoặc cũng có thể bằng các tình huống xảy ra gần địa bàn nơi tổ chức tuyên truyền...

***1.2. Tạo sự hấp dẫn, gây ấn tượng trong khi nói***

Nghệ thuật tuyên truyền là tạo nên sự hấp dẫn, gây ấn tượng bằng giọng nói, điệu bộ, ngôn ngữ. Giọng nói phải rõ ràng, mạch lạc nhưng truyền cảm. Hết sức tránh lối nói đều đều. Giọng nói, âm lượng phải thay đổi theo nội dung và nhấn mạnh vào những điểm quan trọng, cần phải chú ý. Động tác, cử chỉ cần phải phù hợp với nội dung và giọng nói để nâng cao hiệu quả tuyên truyền của lời nói. Sắc thái có tác dụng truyền cảm rất lớn. Vẻ mặt của người nói cần thay đổi theo diễn biến của nội dung. Khi nói, cần chú ý nhìn vào một nhóm người ngồi dưới, thỉnh thoảng người nói cần thay đổi vị trí nhìn để tạo sự chú ý của cử tọa. Người nói cần đưa ra số liệu, sự kiện để minh hoạ, đặt câu hỏi để tăng thêm sự chú ý của người nghe.

Người nói cũng cần phát huy vai trò thông tin, truyền cảm của ngôn ngữ bằng cách sử dụng chính xác, đúng mực thuật ngữ pháp lý, thuật ngữ chuyên ngành và ngôn ngữ phổ thông. Người nói có thể kết hợp, lồng ghép, sử dụng hợp lý, chính xác ý tứ, ngôn từ trong kinh điển, thơ văn, ca dao, dân ca vào buổi tuyên truyền pháp luật để tăng tính hấp dẫn, thuyết phục đối với người nghe.

***1.3. Bảo đảm các nguyên tắc sư phạm trong tuyên truyền trực tiếp***

Người nói cần tôn trọng các nguyên tắc sư phạm. Từ bố cục bài nói, diễn đạt các đoạn văn, liên kết giữa các đoạn văn đến cách nói đều phải rõ ràng, mạch lạc, lôgic. Người nghe cần được dẫn dắt từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ gần đến xa (phương pháp suy diễn), hoặc từ xa đến gần (phương pháp quy nạp) và tuỳ từng vấn đề mà dùng lý luận soi sáng cho thực tiễn hoặc từ thực tiễn mà đi sâu vào lý luận. Mục đích cuối cùng vẫn là để người nghe hiểu rõ hơn, toàn diện hơn về những vấn đề mà người nói đã nêu ra. Tuy nhiên dù phân tích, diễn giải rộng hay hẹp đều phải luôn bám sát trọng tâm của vấn đề.

***1.4. Sử dụng phương pháp thuyết phục trong tuyên truyền trực tiếp***

Tuyên truyền trực tiếp chủ yếu dùng phương pháp thuyết phục với ba bộ phận cấu thành là chứng minh, giải thích và phân tích.

*-* Chứng minh là cách thuyết phục chủ yếu dựa vào các dẫn chứng xác thực, khách quan để làm sáng tỏ và xác nhận tính đúng đắn của vấn đề. Các dẫn chứng đưa ra gồm số liệu, sự kiện, hiện tượng, nhân chứng, danh ngôn, kinh điển. Để có sức thuyết phục, các dẫn chứng được đưa ra phải chính xác, tiêu biểu, toàn diện và sát hợp với vấn đề nêu ra.

- Giải thích là việc dùng lý lẽ để giảng giải giúp người nghe hiểu rõ và hiểu đúng vấn đề. Lập luận trong khi giải thích phải chặt chẽ, chính xác, mạch lạc, khúc triết, không ngụy biện.

- Phân tích là diễn giải, đánh giá vấn đề nhằm tìm được đặc điểm, bản chất, điểm mạnh, điểm yếu, điểm tốt, điểm xấu, sự phù hợp, không phù hợp... của vấn đề. Việc phân tích phải dựa trên cơ sở khoa học, không được cường điệu mặt này hay hạ thấp mặt kia. Sau khi phân tích phải có kết luận, đánh giá, hướng người nghe vào định hướng tư duy đúng đắn, không làm cho người nghe hoài nghi, dao động, hoang mang.

***1.5. Các bước chuẩn bị***

Gồm 5 bước sau đây :

- Nắm vững đối tượng phổ biến, thời lượng trình bày, trên cơ sở đó xác định mục đích và nội dung trọng tâm cần phổ biến;

- Nắm vững vấn đề liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng;

- Nắm vững nội dung cần tuyên truyền, phổ biến;

- Sưu tầm tài liệu dẫn chứng, minh họa;

- Chuẩn bị đề cương tuyên truyền, phổ biến (bao gồm đề cương sơ bộ và đề cương chi tiết).

***1.6. Tiến hành một buổi phổ biến trực tiếp***

*- Vào đề:* Là phần giới thiệu vấn đề, định hướng tư duy, khơi gợi nhu cầu của đối tượng, thiết lập quan hệ giữa người nói với người nghe. Với các buổi tuyên truyền trực tiếp, thông thường người nghe sẽ thiếu tập trung trong khoảng thời gian đầu. Do đó cần có cách vào đề có hiệu quả để thu hút sự chú ý ngay từ ban đầu vào báo cáo viên. Báo cáo viên có thể bắt đầu từ một câu chuyện pháp luật được các phương tiện thông tin đại chúng nói đến nhiều thời gian qua; có thể bằng các tình huống xảy ra gần địa bàn nơi tổ chức tuyên truyền hoặc một câu chuyện có liên quan mà tình cờ báo cáo viên biết được qua trao đổi trước buổi tuyên truyền với một số người nghe...

*- Nội dung:* Là phần chủ yếu của buổi nói, làm cho đối tượng hiểu, nắm được nội dung, chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức pháp luật cho đối tượng. Cần lưu ý là phải nêu được những điểm mới, thời sự để người nghe chú ý; khi tuyên truyền không được sao chép, đọc nguyên văn văn bản để tránh sự nhàm chán. Khi giảng cần phân tích, giải thích và nêu ý nghĩa của văn bản pháp luật đó. Viết, đọc một đoạn nào đó trong văn bản chỉ có tính chất dẫn chứng, minh họa những gì mà người nói đã phân tích, dẫn chứng ở trước.

Trong tuyên truyền văn bản phải chú ý tới hai điều, đó là: lựa chọn cách trình bày phù hợp với đối tượng và nêu được vấn đề cơ bản, cốt lõi, trọng tâm để người nghe thâu tóm được tinh thần văn bản. Sử dụng hợp lý kênh ngôn ngữ (nói) và kênh phi ngôn ngữ (cử chỉ, động tác).

*- Phần kết luận:* Là phần người nói thường điểm lại và tóm tắt những vấn đề cơ bản đã tuyên truyền. Tùy từng đối tượng mà nêu những vấn đề cần lưu ý đối với họ. Trong phần này, người nói sau khi đã phân tích, diễn giải cần phải tóm tắt lại những nội dung chính của buổi tuyên truyền miệng và những vấn đề cần lưu ý. Tuy nhiên với mỗi một đối tượng khác nhau sẽ có cách thức tóm tắt khác nhau căn cứ vào nhu cầu, đặc thù ngành nghề và lĩnh vực công tác của đối tượng.

**2. Tuyên truyền, phổ biến trên các loại hình báo chí**

Đây là hình thức có tính phổ cập, thường xuyên, kịp thời và rộng khắp, rất có ưu thế công tác tuyên truyền, phổ biến. Các báo (bao gồm cả báo nói, báo viết, báo hình, báo điện tử) có một lượng độc giả, khán giả, thính giả đông đảo. Báo chí cung cấp cho đối tượng một lượng tri thức pháp luật đa dạng, đây là tiền đề quan trọng để hình thành ý thức tự giác chấp hành pháp luật. Tiếp nhận pháp luật, trong đó có pháp luật về phòng chống tham nhũng thông qua báo chí là con đường tự nhiên, dễ tiếp thu bởi báo chí có các hình thức thể hiện rất sinh động và có nhiều thể loại tin, bài hết sức phong phú.

Phổ biến giáo dục pháp luật trên các loại hình báo chí là một công cụ tuyên truyền giáo dục pháp luật có hiệu quả xã hội cao. Các phương tiện thông tin đại chúng làm cho mỗi người dân trong đời sống sinh hoạt thường ngày của mình được tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng một cách trực tiếp, cập nhật, phong phú, đa dạng, sinh động, dễ dàng. Thông qua các phương tiện nghe, nhìn của đài phát thanh, đài truyền hình, sách báo in, báo mạng, báo ảnh, tạp chí... người dân có thể thấm nhuần những nội dung pháp luật, những điều cần phải làm, những vấn đề phải quan tâm... Các phương tiện thông tin đại chúng cũng phê phán, nêu rõ các hiện tượng sai trái coi thường pháp luật, không hiểu pháp luật đã dẫn đến những hậu quả khó lường cho cá nhân, gia đình và xã hội. Việc làm này có tác động mạnh tới nhận thức tư tưởng, tình cảm của mỗi người, khiến họ phải tự điều chỉnh hành vi của mình theo quy định của pháp luật. Cho nên việc tuyên truyền giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng là cần thiết, có nhiều ưu thế và là một trong những phương pháp, phương thức tuyên truyền giáo dục pháp luật hiện nay có hiệu quả cao, được nhiều người ở nhiều lứa tuổi quan tâm. Các tin, bài đăng tải trên báo chí có tác động nhanh chóng, sâu rộng đến nhiều tầng lớp trong xã hội.

Tuy nhiên, viết tin bài tuyên truyền về phòng chống tham nhũng có những đòi hỏi khắt khe hơn các lĩnh vực khác. Cần lưu ý một số điểm sau:

- Đảm bảo tính thời sự của sự kiện: tin, bài trên báo chí đòi hỏi sự nhanh nhạy, kịp thời;

- Đảm bảo tính chân thực, khách quan: Một vấn đề liên quan đến tham nhũng, tiêu cực thường đụng chạm đến uy tín của cá nhân, cơ quan hay tổ chức. Vì thế dữ liệu để đưa tin, bài phải có nguồn gốc, bảo đảm tính trung thực, thể hiện đúng bản chất của sự việc;

- Phải kết hợp tinh tế giữa tính thông tấn và tính giáo dục, tuyên truyền. Mục tiêu chính vẫn là để tuyên truyền nhưng nên để nó ẩn chứa phía sau sự kiện được thông tin. Người đọc tiếp nhận thông tin về một vụ việc tham nhũng vì họ quan tâm đến vụ việc đó, do vậy, người viết cần tư duy về cách thức lồng ghép nội dung tuyên truyền thông qua bài viết về sự việc đó.

- Phải lưu tâm đến các quy định về bảo mật thông tin trong một số trường hợp: VD bảo vệ bí mật cho người tố cáo hành vi tham nhũng, bảo mật thông tin về vụ việc trong quá trình cơ quan chức năng đang thanh tra, điều tra vụ việc…

- Sử dụng các quy định về phòng chống tham nhũng để nhìn nhận, đánh giá một sự kiện. Hiện nay, với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, cùng một sự việc có thể được nhiều cơ quan báo chí đồng loạt đưa tin dưới nhiều giác độ khác nhau (dưới giác độ xã hôi, giác độ đạo đức…). Sự kiện đó khi được xem xét dưới giác độ phòng chống tham nhũng sẽ đưa lại một cái nhìn khác, vẫn có tác dụng tuyên truyền cao dù thông tin đó không phải là mới nhất.

**3. Một số cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng internet**

***3.1. Hỏi đáp pháp luật***

Hỏi đáp pháp luật là một trong những hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả. Các câu hỏi về pháp luật có nhiều dạng, có thể là câu hỏi trực tiếp, (ví dụ như “tham nhũng là gì?”, “hành vi nào được quy định là hành vi tham nhũng?”, “phòng ngừa tham nhũng gồm những biện pháp nào?”…) hoặc câu hỏi gián tiếp thông qua một tình huống, một sự kiện xảy ra trong thực tế.

Câu hỏi trực tiếp thường dùng để giải thích các khái niệm hoặc thuật ngữ pháp lý, các vấn đề có tính lý thuyết. Vì thế, câu trả lời đối với câu hỏi trực tiếp thường gồm hai phần: giải thích khái niệm, sau đó đưa ra ví dụ minh họa.

Đối với câu hỏi gián tiếp, câu trả lời cần phân tích tình huống, sự kiện, chỉ ra các sự kiện pháp lý, sau đó chỉ dẫn các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề được hỏi.

***3.2. Xây dựng các chuyên mục chuyên sâu về pháp luật***

Các chuyên mục tuyên truyền chuyên sâu về pháp luật cung cấp những kiến thức sâu về từng vấn đề pháp luật cụ thể. Các chuyên mục thuộc loại này có thể được xây dựng theo tiêu chí như đối tượng cần tuyên truyền, nội dung pháp luật… (Ví dụ như chuyên mục phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực đấu thầu, phòng chống tham nhũng trong quản lý và sử dụng đất đai, phòng chống tham nhũng trong đầu tư xây dựng…).Song song với việc đảm bảo về nội dung kiến thức, các chuyên mục này cần chú ý đến những vấn đề trình bày, biên soạn nội dung cần tuyên truyền dưới dạng sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh sinh động để người đọc dễ theo dõi.

Bên cạnh việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua những chuyên mục chuyên sâu có nội dung mang tính lý thuyết nên xây dựng những chuyên mục đi sâu phân tích các tình huống cụ thể dưới góc độ pháp luật. Thực tế cho thấy cách làm này mang lại hiệu quả cao, người đọc dễ hiểu và dễ nhớ. Những câu chuyện pháp luật, những tình huống có thật trong cuộc sống được phân tích dưới góc độ pháp luật có thể giúp chuyển tải kiến thức một cách sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ tới người đọc.

***3.3. Đưa các tài liệu tuyên truyền pháp luật lên mạng Internet***

Đầu tiên, cần căn cứ vào mục đích, đối tượng và nguồn tài liệu tuyên truyền pháp luật hiện có để lựa chọn tài liệu (sách, đặc san, tờ gấp, tờ rơi, đĩa CD, VCD… ) đưa lên mạng Internet. Tiếp theo là, chuyển tài nội dung tài liệu từ dạng bản in sang dữ liệu điện tử (ví dụ, đối với ấn phẩm dạng bản in giấy thì dữ liệu điện tử có thể là bản đánh máy). Cần kiểm tra (nghe, đọc soát) để đảm bảo nội dung của dữ liệu điện tử giống nội dung của ấn phẩm đã xuất bản.

Sau khi đã lựa chọn được tài liệu, cần nghiên cứu cách thức đưa lên mạng như đưa dưới dạng file Word, file .RAR hoặc file .PDF… tùy thuộc vào dung lượng của tài liệu, tính năng kỹ thuật của trang Web… Đối với những tài liệu có dung lượng không lớn, có thể đưa dưới dạng đơn giản là file Word. Các file đính kèm dạng .RAR hoặc .PDF có thể sử dụng trong trường hợp tài liệu có dung lượng lớn, tuy nhiên cần có chương trình tương thích để xem, đọc.

***3.4. Tổ chức giao lưu trực tuyến***

Hiện nay hình thức giao lưu trực tuyến đang ngày càng trở nên phổ biến. Có rất nhiều báo điện tử tổ chức các diễn đàn để độc giả có cơ hội trao đổi với những nhân vật nổi tiếng, những chuyên gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau như báo Tuổi trẻ điện tử, báo Thanh niên điện tử, báo Vietnamnet… Ưu điểm của hình thức tuyên truyền này là tính thiết thực, đi vào những vấn đề bức xúc mà khán thính giả, độc giả quan tâm, trên phạm vi rộng, liên quan đến mọi ngành, mọi cấp, mọi tầng lớp trong xã hội. Mặt khác, giao lưu trực tuyến cũng tạo ra diễn đàn để vừa giải đáp, vừa trao đổi, vì thế mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, cần lưu ý, giao lưu trực tuyến là hình thức mà người tuyên truyền không có sự chủ động về nội dung, nhất là về chủ đề phức tạp như phòng chống tham nhũng. Vì vậy, để giao lưu trực tuyến có hiệu quả thì cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng của người chủ trì và thường sẽ do một nhóm chuyên gia cùng thực hiện.

Các bước tổ chức giao lưu trực tuyến:

- Lựa chọn cơ quan báo chí phù hợp, xây dựng kế hoạch tổ chức;

- Phân công nhiệm vụ trong nhóm chuyên gia theo lĩnh vực;

- Dự liệu các tình huống, các vấn đề có thể được nêu ra trong buổi giao lưu và xây dựng kịch bản xử lý;

- Tổ chức tiếp nhận, phân loại câu hỏi và giải đáp.

**4. Biên soạn, phát hành tài liệu phổ biến pháp luật**

Đây là hình thức khá đa dạng, tài liệu có thể là đề cương giới thiệu văn bản pháp luật mới, sách pháp luật, sách hỏi đáp, tờ gấp pháp luật... Nội dung của các tài liệu tập trung vào các vấn đề pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ và người dân.

***4.1. Sách hỏi đáp pháp luật***

Sách hỏi đáp pháp luật có thể sử dụng để tuyên truyền, phổ biến một văn bản, một nội dung, một lĩnh vực pháp luật. Kỹ năng biên soạn sách hỏi đáp pháp luật chủ yếu dựa trên phương pháp đặt câu hỏi và cách trả lời câu hỏi. Có các dạng câu hỏi: câu hỏi trực tiếp vào nội dung vấn đề, câu hỏi gián tiếp, câu hỏi mở (thông qua một tình huống, một sự việc để hỏi về một vấn đề).

***4.2. Sách hướng dẫn tìm hiểu pháp luật***

Sách hướng dẫn tìm hiểu pháp luật thường sử dụng để tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật (luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định) mới ban hành, mới sửa đổi, bổ sung.

Về nội dung, bố cục sách tìm hiểu pháp luật cần chú ý một số điểm sau:

- Nội dung sách th­ường chỉ gắn với một văn bản pháp luật hoặc một số nội dung chính của một văn bản pháp luật.

- Bố cục sách có thể như sau: vài nét về tình hình thực tế liên quan trực tiếp đến các vấn đề thuộc nội dung sách; giải thích các khái niệm, thuật ngữ nêu ra trong nội dung sách; các quy định của pháp luật về vấn đề nêu trong nội dung sách; các điểm mới, điểm sửa đổi, bổ sung (nếu có) so với các quy định pháp luật trước đây; hướng dẫn thực hiện. Tất cả các nội dung trong sách đều phải viết thật ngắn gọn, cô đọng, rõ ràng mạch lạc dễ hiểu, để sách không quá dài và quá nhiều chữ.

***4.3. Sách pháp luật bỏ túi***

Nội dung sách pháp luật bỏ túi th­ường chỉ đề cập đến một hoặc hai vấn đề. Mỗi vấn đề là một phần độc lập. Trong đó, tập trung về việc giải thích các khái niệm, thuật ngữ nêu ra trong nội dung sách; các quy định của pháp luật về vấn đề nêu trong nội dung sách; hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật trong nội dung. Nội dung sách phải viết ngắn, gọn.

***4.4. Biên soạn tờ gấp tuyên truyền pháp luật***

*\* Biên soạn nội dung*

- Căn cứ vào nhu cầu và đối tượng sử dụng, người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm lựa chọn những nội dung phù hợp với từng đối tượng để đưa vào tờ gấp.

- Cách thức thể hiện nội dung vào tờ gấp: Hỏi - đáp trực tiếp hoặc trả lời gián tiếp thông qua các tình huống pháp luật.

*\* Xác định khuôn khổ của tờ gấp*

Kích thước của tờ gấp phụ thuộc vào nội dung tờ gấp. Nên ưu tiên tờ gấp có kích thước bằng khổ giấy A4, vì có thể dùng tờ gấp này làm tờ mẫu photo nhân bản trên giấy A4 phát rộng rãi cho đối tượng tuyên truyền. Từ kích thước tờ gấp người ta dễ dàng chọn được số bình cho tờ gấp sao cho khi gấp lại tờ gấp có hình dáng sát với hình chữ nhật tiêu chuẩn.

*\* Bố cục tờ gấp (lên ma két)* :

Bố cục tờ gấp gồm bố cục bìa, phần nội dung cho các trang, trám tranh, ảnh cho các trang, đặt tít của tờ gấp, tít của từng phần, chọn chữ, chọn màu và phân bố, cho từng trang.

**5. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật**

***5.1. Các loại hình thi tìm hiểu pháp luật***

Thi tìm hiểu pháp luật đ­ược thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, do mục đích, yêu cầu, điều kiện, hoàn cảnh và khả năng cụ thể quyết định. Có 4 loại hình thư­ờng được áp dụng nhiều trên thực tế là: thi nói, thi viết, thi trên mạng và thi trắc nghiệm.

Một cuộc thi cũng có thể sử dụng một, một số hoặc sử dụng tổng hợp các loại hình này.

- *Mục đích* của các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, bên cạnh mục đích riêng, đặc thù của từng cuộc thi thì mục đích chung của các cuộc thi tìm hiểu pháp luật hướng tới là nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ và nhân dân.

- *Yêu cầu* chung của các cuộc thi là đảm bảo tính phổ cập, thiết thực, dễ hiểu, hình thức thi sinh động, hấp dẫn, sáng tạo, không khí hào hứng, sôi nổi cuốn hút mọi người tham gia (đối với các cuộc thi trên sân khấu).

- *Hình thức thi*: nên quy định rõ một số vấn đề sau:

+ Tổ chức thi cá nhân hay tập thể;

+ Loại hình thi (sân khấu, viết, thi qua mạng...);

+ Hội thi được tổ chức vòng sơ khảo và chung khảo như thế nào? tại từng vòng thí sinh phải thi những nội dung gì? đối với thi viết, thi trên mạng có thể thí sinh phải trả lời các câu hỏi lý thuyết và tình huống; tổ chức thi trên sân khấu, các thí sinh thực hiện 3 phần thi: lý thuyết, xử lý tình huống và năng khiếu.

***5.2. Một số lưu ý***

- Về thời gian cuộc thi đ­ược xác định, sắp xếp cho phù hợp với quy mô, phạm vi, nội dung và hình thức thi. Thời gian thi nên t­ương xứng với quy mô tổ chức và nội dung thi để những ng­ười dự thi kịp tham dự và có thời gian chuẩn bị tốt cho cuộc thi. Song cũng không vì thế mà kéo thời gian thi quá dài, sẽ làm giảm không khí sôi nổi cũng nh­ư làm mất đi tính thời sự của cuộc thi. Thời điểm tổ chức cuộc thi cũng có ý nghĩa quan trọng. Một mặt làm tăng thêm ý nghĩa cuộc thi. Mặt khác, cuộc thi góp phần tăng cường nhiệm vụ chính trị, quản lý trong địa bàn. Các mốc thời gian của cuộc thi thường dựa vào các ngày lễ lớn, gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Về kinh phí cuộc thi: là một trong những yếu tố góp phần quan trọng vào sự thành công của mỗi cuộc thi. Kế hoạch cần dự toán t­ương đối chi tiết các khoản chi phí tổ chức cuộc thi trên tinh thần chi tiết kiệm mà vẫn đạt hiệu quả. Kinh phí cuộc thi bao gồm: kinh phí do cơ quan tổ chức cuộc thi hoặc cơ quan có đối tư­ợng được tuyên truyền pháp luật chịu trách nhiệm chính. Cuộc thi có nhiều cơ quan tham gia Ban tổ chức thì các cơ quan đó cùng có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí dưới dạng quà tặng cho người đoạt giải, trao giải phụ.... Ngoài ra, cuộc thi có thể huy động tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp có lợi ích liên quan đến việc tìm hiểu và thực hiện pháp luật

- Về giải thư­ởng, tuỳ theo tính chất cuộc thi, đối tư­ợng dự thi và khả năng kinh phí mà Ban tổ chức quyết định về cơ cấu giải và giá trị giải (giải đặc biệt, nhất, nhì, ba, giải khuyến khích cho tập thể, cá nhân và các giải phụ). Giải thư­ởng có thể được trao bằng tiền, hiện vật hoặc trong những điều kiện cho phép, có thể mời ng­ười đạt giải đi xem các hoạt động văn hoá, tham quan du lịch... làm sao để giải th­ưởng không chỉ có ý nghĩa khuyến khích về vật chất, mà quan trọng là động viên tinh thần ng­ười tham dự cuộc thi.

- Về thể lệ cuộc thi: mỗi cuộc thi có thể lệ riêng tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu hình thức của cuộc thi đó. Yêu cầu chung đối với thể lệ của một cuộc thi tìm hiểu pháp luật là có tính tuyên truyền, có sức thuyết phục, thu hút đ­ược đông đảo ngư­ời tham gia thi; ngắn gọn nh­ưng vẫn đảm bảo tính chính xác về nội dung thi và các thủ tục khác trong quá trình tổ chức cuộc thi.

Thể lệ cuộc thi tìm hiểu pháp luật bao gồm: đối t­ượng dự thi; các yêu cầu đối với bài dự thi, thời gian và nơi nhận bài thi (nếu là thi viết) hoặc các quy định về nội dung, cách thức thi (nếu là thi trả lời trực tiếp); thời gian tổ chức cuộc thi; giải thư­ởng; đơn vị tổ chức cuộc thi (Ban tổ chức) và những nội dung cần thiết khác.

- Xây dựng bộ câu hỏi cho cuộc thi: dù là hình thức thi nào, thi viết, thi trả lời trực tiếp, thi trên phư­ơng tiện thông tin đại chúng... thì việc xây dựng câu hỏi cho cuộc thi đều giữ vai trò quan trọng để góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của ng­ười dự thi cũng như người theo dõi cuộc thi.

Việc đặt câu hỏi phải đạt đ­ược mục đích của cuộc thi, tức là nâng cao hiểu biết pháp luật về một lĩnh vực nào đó cho những ng­ười trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia. Câu hỏi phải phù hợp với đối t­ượng dự thi, giúp thí sinh dễ trả lời, có nội dung câu hỏi gắn với các tình huống sinh hoạt cộng đồng, tránh những câu hỏi có tính chất tổng hợp hoặc suy luận. Ngoài ra cũng cần ra câu hỏi sao cho Ban giám khảo, Ban chấm thi dễ chấm và dễ so sánh kết quả./.